

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH  
AN BINH SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

**ABS**  
TRỌN VỆ TRẢI NGHIỆM ĐẦU TƯ

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



# MỤC LỤC

<b>PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>03</b>
Thông tin doanh nghiệp Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi Lịch sử hình thành và phát triển Ngành nghề và địa bàn kinh doanh Thông tin về mô hình quản trị , tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý Định hướng phát triển Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam 2024	
<b>PHẦN 2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	<b>17</b>
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Tổ chức nhân sự Tình hình tài chính Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	
<b>PHẦN 3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>24</b>
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Tình hình tài chính Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý Kế hoạch phát triển tương lai	
<b>PHẦN 4. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÔNG TY</b>	<b>27</b>
Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	
<b>PHẦN 5. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>30</b>
Hội đồng quản trị Ban kiểm soát Các giao dịch, thù lao và lợi ích của HĐQT và BKS	
<b>PHẦN 6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>34</b>

## THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin doanh nghiệp

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình
Giấy phép thành lập và hoạt động	16/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 29/09/2006
Mã thành viên	018
Vốn điều lệ	1.011.500.000.000 VNĐ
Địa chỉ	Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại	024 3562 4626
Fax	024 3562 4628
Website	www.abs.vn

### 2. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

Tầm nhìn	Tài chính thịnh vượng – Cuộc sống bình an
Sứ mệnh	Đồng hành cùng khách hàng trên hành trình đầu tư cho tương lai
Giá trị cốt lõi	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chia sẻ &amp; gắn kết</li><li>- Tinh thần làm chủ</li><li>- Khách hàng làm trọng tâm</li><li>- Đổi mới sáng tạo</li><li>- Cá nhân vượt trội</li></ul>

### 3. Lịch sử hình thành và phát triển

Thời gian	Sự kiện
2006	ABS chính thức được thành lập, vốn điều lệ 50 tỷ đồng. Địa chỉ trụ sở chính: 101 Láng Hạ, Đống Đa, TP. Hà Nội Thành viên Sở GDCK TP. HCM và Hà Nội.
2007	Tăng vốn điều lệ lên 330 tỷ đồng. Thành lập Chi nhánh Hải Phòng tại số 07 Trần Hưng Đạo, Hồng Bàng, Hải Phòng.
2008	Tăng vốn điều lệ lần 2 lên 397 tỷ đồng. Top 10 Công ty Chứng khoán có quy mô vốn hoạt động lớn nhất. Thành lập Chi nhánh Hồ Chí Minh tại số 118 Nguyễn Cư Trinh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
2009	Thành lập Chi nhánh Vũng Tàu tại số 21 Lê Lợi, P. 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thành lập Chi nhánh Thái Bình tại số 399 Lê Quý Đôn, P. Lê Hồng Phòng, TP. Thái Bình. Cúp vàng Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển năm 2009.

2011	Chuyển địa điểm Chi nhánh Hải Phòng đến số 09 Trần Hưng Đạo, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.
2013	Thành lập Chi nhánh Huế số 41-43 Bến Nghé, P. Phú Hội, TP Huế. Nằm trong danh sách 10 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất sàn HSX và HNX. Đạt Top 50 Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam do Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam bình chọn.
2014	Chuyển địa điểm Chi nhánh Đà Nẵng số 17 Đặng Tử Kính, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Doanh nhân Văn hóa – Doanh nghiệp mạnh phát triển bền vững 2014.
2018	Chuyển Trụ sở chính đến Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
2019	Chuyển địa điểm Chi nhánh Đà Nẵng đến Tầng 08, Tòa nhà số 255 Lê Duẩn, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. Chuyển địa điểm Chi nhánh Vũng Tàu đến Tầng 1, số 370 Lê Hồng Phong, Phường 3, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
2020	Kết quả kinh doanh đạt 183% so với kế hoạch. Tổng tài sản: 860 tỷ đồng. Nằm trong Top công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ Quý I/2020. Top 50 Thương hiệu mạnh Asean năm 2020.
2021	Tăng vốn điều lệ lên hơn 1000 tỷ đồng. Đứng thứ 6 trong Top 10 đơn vị tư vấn trái phiếu trong 9 tháng đầu năm 2021. Top 10 Thương hiệu mạnh hàng đầu Việt Nam năm 2021. Top 50 Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2021.
2022	Thay đổi nhận diện thương hiệu ABS tại Hội sở và tất cả các chi nhánh.
2023	Thành lập Chi nhánh Hà Nội số 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội Giải thưởng: Best Stock Trading App ABS Invest - Viet Nam 2023.
2024	Giải thưởng: Best Securities House for Research in Vietnam 2024 (Công ty Chứng khoán hàng đầu về Phân tích tại Việt Nam). Giải thưởng: Best New Stock Trading App 2024 (Ứng dụng giao dịch cổ phiếu tốt nhất 2024).

#### 4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

##### a. Ngành nghề kinh doanh

Công ty đã được cấp phép và thực hiện đầy đủ các dịch vụ kinh doanh đối với công ty chứng khoán, bao gồm các dịch vụ:

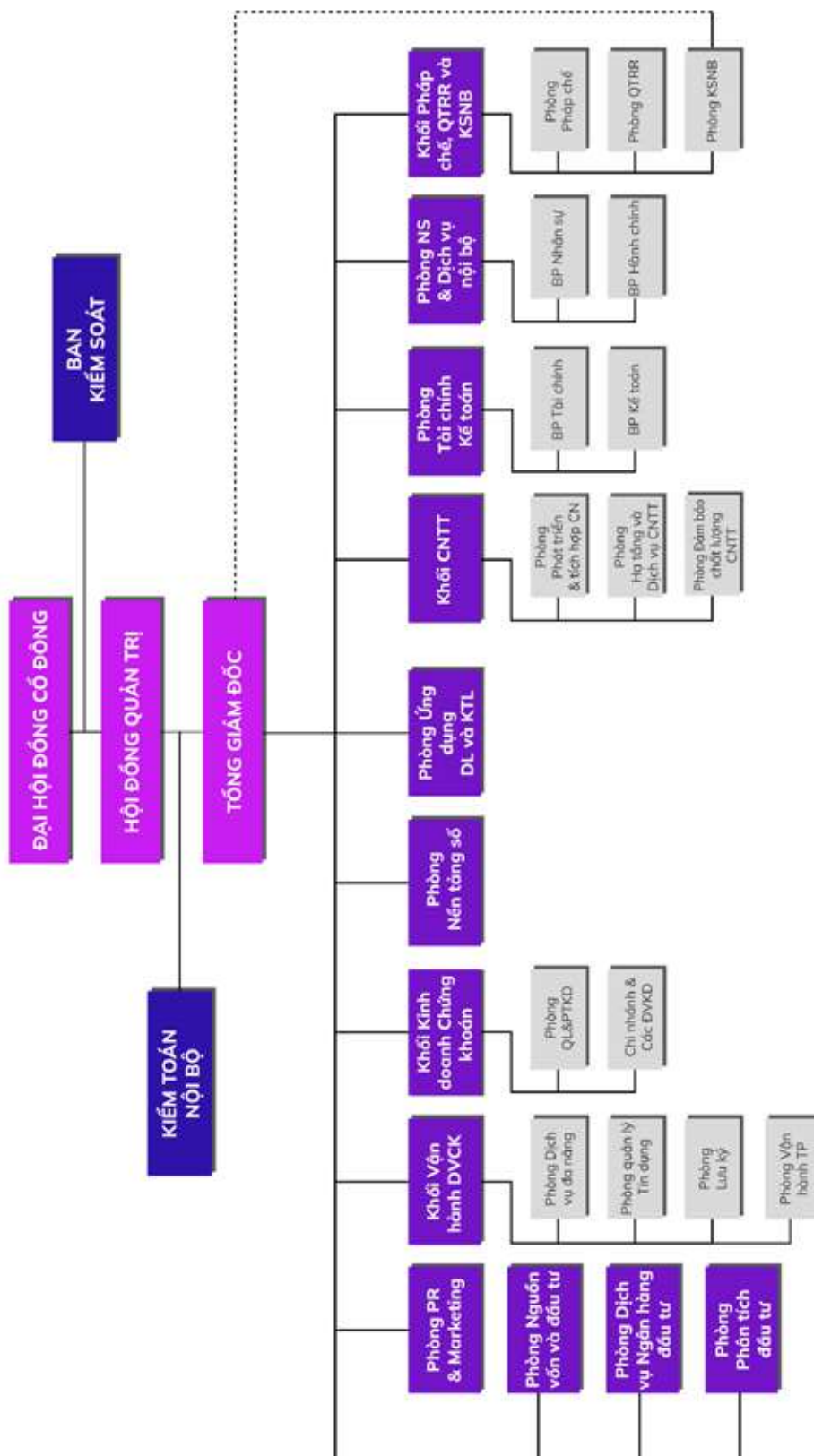
- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán

- Lưu ký chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp

b. Địa bàn kinh doanh

STT	ĐIỂM KINH DOANH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
1	Sàn giao dịch Hội sở	Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3562 4626
2	Chi nhánh Hà Nội	Số 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3562 4861
3	Chi nhánh Bắc Ninh	Số 10 Nguyễn Đăng Đạo, Phường Tiền An, TP. Bắc Ninh	0222 389 3088
4	Chi nhánh Thái Bình	Số 399 Lê Quý Đôn, TP. Thái Bình	0227 625 5556
5	Chi nhánh Hải Phòng	P131 - Tầng 1, Tòa nhà Thành Đạt 1-Số 3, Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	0225 356 9191
6	Chi nhánh Đà Nẵng	Tầng 08, Tòa nhà số 255 Lê Duẩn, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	0236 365 3992
7	Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tầng 2, Phòng 201, Tòa nhà SMART VIEW số 161A-163-165 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM	028 3838 9655
8	Chi nhánh Vũng Tàu	Tầng 1, số 370 Lê Hồng Phong, Phường 3, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254 354 3166
9	Chi nhánh Huế	Tầng 1, số 62 Nguyễn Tri Phương, TP. Huế	0234 3831 133

## 5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



## 6. Định hướng phát triển chung của công ty

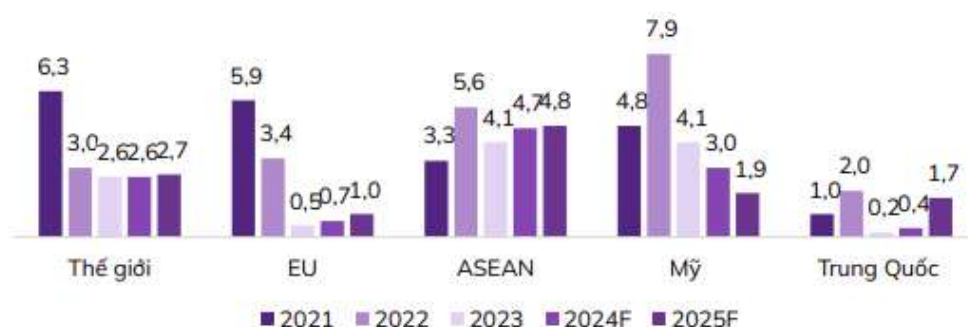
- **Lấy khách hàng làm trọng tâm** là kim chỉ nam và được triển khai cụ thể trong mọi hoạt động của ABS để đảm bảo dịch vụ và sản phẩm đáp ứng tốt nhất về trải nghiệm với khách hàng.
- **Nâng cấp công nghệ** để nâng cao hiệu suất, sự ổn định, tính bảo mật và năng lực đáp ứng quy mô tăng trưởng mở rộng.
- **Nâng cao năng lực quản trị và khai thác dữ liệu**, đồng thời từng bước ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để am hiểu khách hàng, hỗ trợ khách hàng, cải thiện trải nghiệm khách hàng và tối ưu nguồn lực nội bộ.
- **Xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo** và môi trường thu hút nhân tài để ABS có nguồn lực tốt nhất cho phát triển nhanh và bền vững.

## 7. Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam 2024

### a. Kinh tế thế giới

- Kinh tế thế giới năm 2024 đã chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực do các cuộc xung đột địa chính trị kéo dài ở Ukraine, Trung Đông...; bất ổn chính trị ở hàng loạt nền kinh tế lớn, nhiều thảm họa, thiên tai diễn ra trầm trọng do biến đổi khí hậu gia tăng. Điều này đã đẩy giá kim loại quý tăng lên các mức cao kỷ lục.
- Xu hướng phân mảnh thị trường và công nghệ thế giới ngày càng rõ rệt, thể hiện qua sự mở rộng của khối BRICS và các biện pháp trừng phạt của Mỹ và châu Âu đối với các ngành công nghệ Trung Quốc, làm suy yếu hợp tác quốc tế cũng như hiệu quả của chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Hoạt động sản xuất toàn cầu tuy hồi phục nhưng vẫn còn yếu. Chỉ số PMI sản xuất tại một số nền kinh tế lớn như Mỹ, châu Âu và Trung Quốc vẫn dưới ngưỡng 50, thể hiện sản xuất tiếp tục thu hẹp qua các tháng. Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng toàn cầu năm nay đạt tốc độ 3,1%, thấp hơn một chút so với năm ngoái.

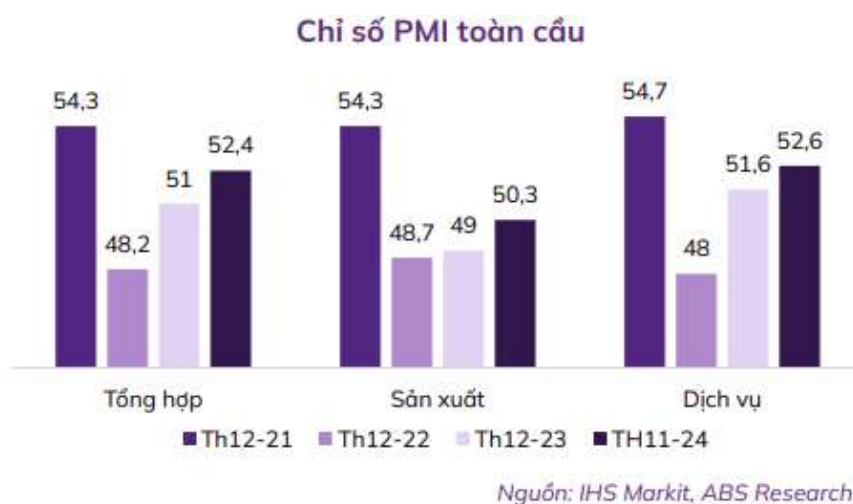
**Dự báo tăng trưởng kinh tế cho các nền kinh tế lớn và toàn cầu (%)**



Nguồn: Worldbank, số liệu của ASEAN do ADB ước tính, ABS Research



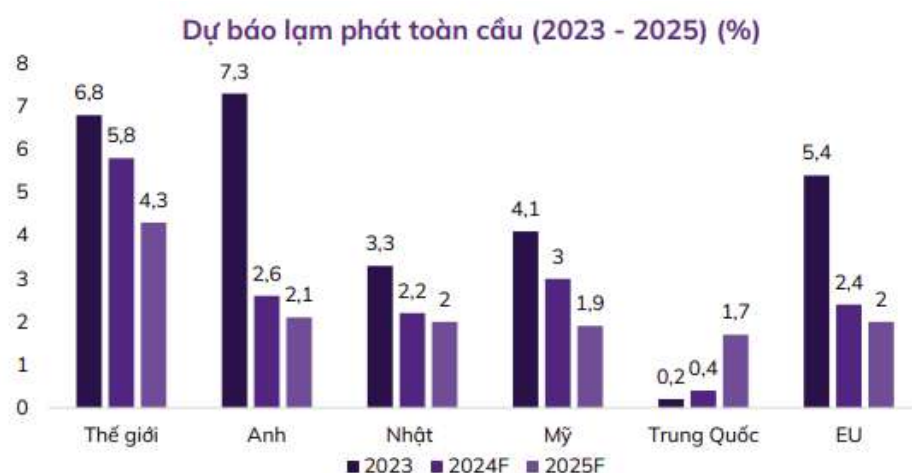
- Triển vọng tăng trưởng 2024 khá chênh lệch giữa các khu vực và các nền kinh tế. Nước Mỹ trong năm 2024 tiếp tục đẩy mạnh các chương trình đầu tư vào hạ tầng cơ sở, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ, năng lượng tái tạo và cơ sở hạ tầng kỹ thuật số. Nền kinh tế lớn nhất thế giới vẫn thể hiện khả năng phục hồi mạnh mẽ, tốt hơn so với kỳ vọng, với thu nhập hộ gia đình và tiêu dùng cải thiện.
- Châu Âu chưa thoát khỏi khó khăn, với tình hình chính trị bất ổn, giá năng lượng cao, đầu tư chậm lại và nhu cầu suy yếu ở các thị trường nước ngoài quan trọng. Thêm vào đó là tác động tiêu cực từ cuộc chiến Nga – Ukraine và làn sóng người di cư từ các khu vực bất ổn Ukraine và Trung Đông gia tăng.
- Trung Quốc tiếp tục chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng dựa vào xuất khẩu và đầu tư sang mô hình tăng trưởng dựa vào tiêu dùng nội địa và đổi mới sáng tạo; thực hiện các biện pháp hỗ trợ thị trường BĐS đang suy thoái cũng như thông qua gói tài khóa 1.400 tỷ USD để tái cơ cấu nợ chính quyền địa phương vốn đang ở mức rủi ro.



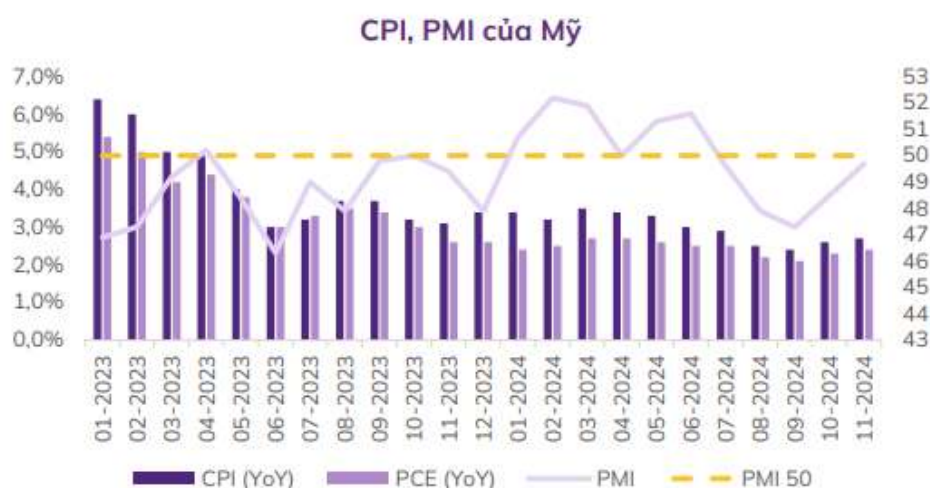
#### **Các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới giảm lãi suất khi lạm phát giảm dần**

- Với lãi suất điều hành ở mức cao, nguồn cung hàng hóa khá quan hơn so với giai đoạn hậu đại dịch và giá năng lượng thấp hơn đang giúp nhiều nước thành công trong nỗ lực kiềm chế lạm phát. Tại nhiều nước, lạm phát tiếp tục tiến gần đến mục tiêu. Lạm phát ở Mỹ đã giảm xuống còn 2.7% cuối 2024 và dự kiến sẽ giảm xuống mức mục tiêu 2% vào năm 2025. Lạm phát ở khu vực EU cũng đã đạt được mục tiêu của ECB (2%) trong tháng 9 và tháng 10 năm 2024.
- Từ giữa năm, một loạt NHTW lớn trên thế giới như NHTW Canada, NHTW Châu Âu (ECB),... đã bắt đầu hạ lãi suất nhằm giảm áp lực cho nền kinh tế. Tiếp theo sau, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã thực hiện hạ lãi suất 3 lần trong 2024, đưa lãi suất xuống mức 4,25% - 4,5%.
- Trước xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ của các nước trên thế giới, Trung Quốc đã thay đổi chính sách tiền tệ từ “thận trọng” sang nới lỏng “vừa phải” trong bối cảnh nguy cơ giảm phát vẫn còn hiện hữu và tăng trưởng kinh tế trì trệ.

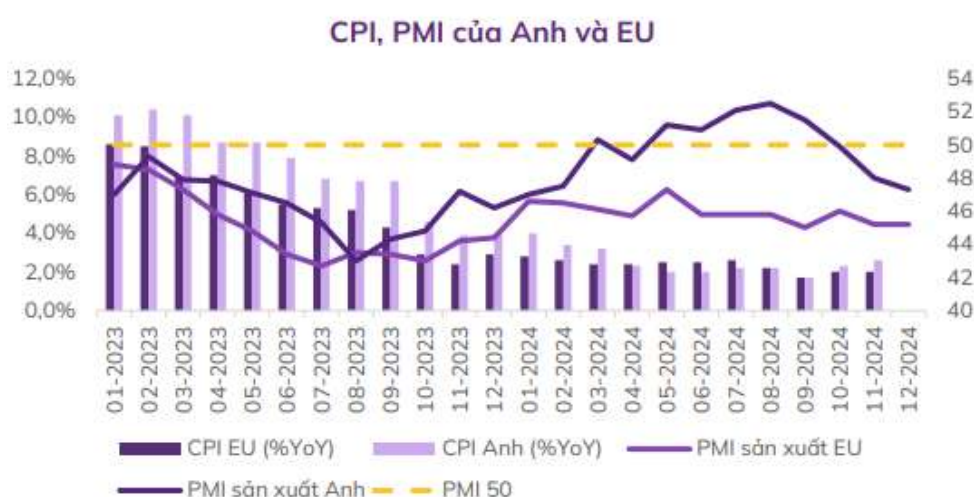




Nguồn IMF, ABS Research



Nguồn: Investing, ABS Research



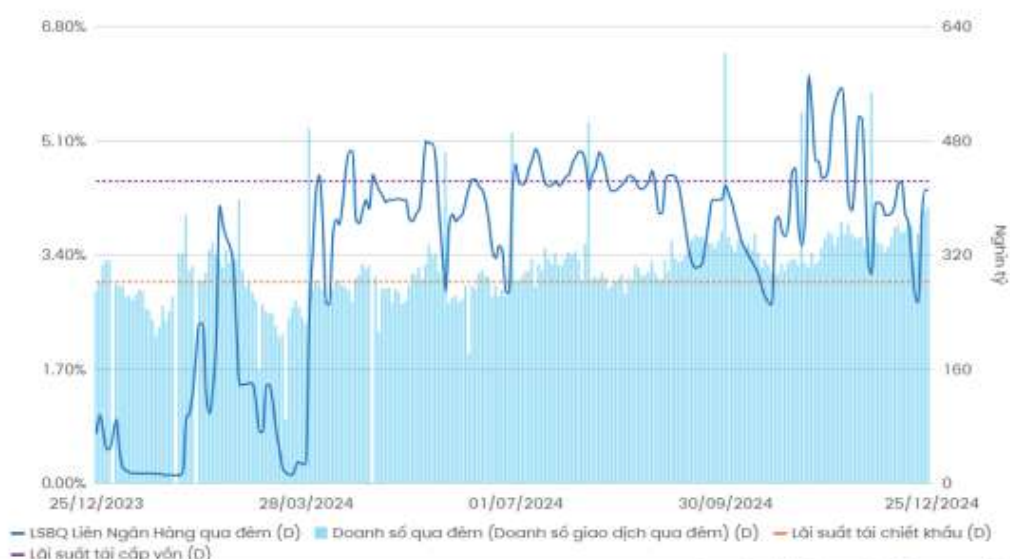
Nguồn: Investing, ABS Research

## b. Kinh tế Việt Nam

Trong năm 2024, Chính phủ đã tích cực triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ nền kinh tế. Cụ thể:

- Linh hoạt điều hành chính sách tiền tệ: NHNN đã hai lần chủ động điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các tổ chức tín dụng (TCTD) vào ngày 28/8 và ngày 28/11 để kịp thời đáp ứng vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ sản xuất kinh doanh. NHNN cũng đã điều hành tỷ giá linh hoạt, phối hợp đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ để hạn chế áp lực tỷ giá; công bố phương án bán ngoại tệ cho các TCTD để sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho thị trường trong những giai đoạn áp lực lớn. Ngoài ra, NHNN đã chỉ đạo triển khai quyết liệt các chương trình, chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ như Chương trình hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng của bão Yagi, gói tín dụng đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản,...
- Thúc đẩy chính sách tài khóa: Đẩy mạnh giải ngân các gói đầu tư công giá trị 680 nghìn tỷ đồng, gia hạn/miễn/giảm các loại thuế.
- Các quy định pháp luật: Hỗ trợ thị trường chứng khoán, thị trường TPDN, hỗ trợ DN.
- Chính sách đối ngoại: Nâng cấp quan hệ đối tác toàn diện với UAE, đối tác chiến lược toàn diện với Pháp, đối tác chiến lược với Brazil,...
- Kết quả: Nhiều tổ chức dự báo GDP Việt Nam hoàn thành được mục tiêu tăng trưởng GDP ở mức 6,5 - 7,0% do Quốc hội đề ra và thuộc nhóm tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới. Đây là con số rất tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn.

### NHNN giữ nguyên lãi suất chiết khấu và tái cấp vốn trong 2024



Nguồn: FiinPro, ABS Research

### Các chính sách của Quốc hội và Chính phủ hỗ trợ nền kinh tế

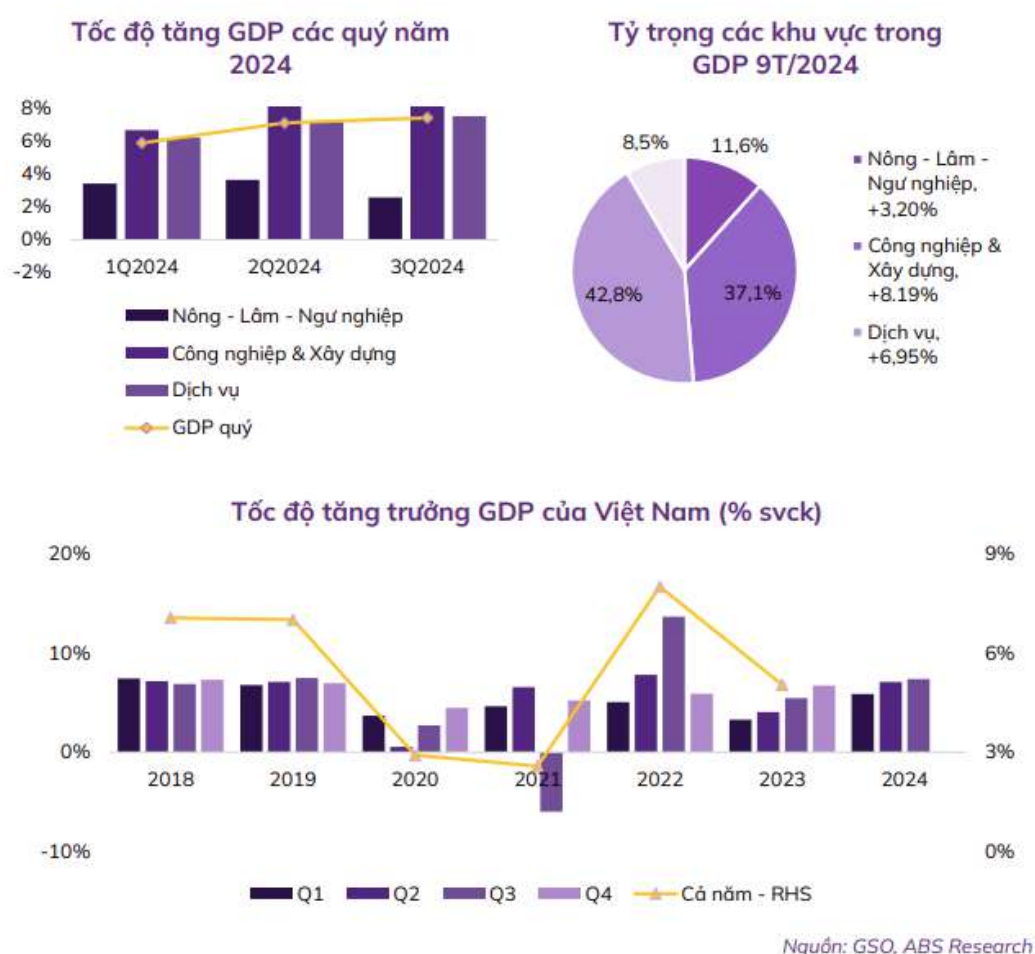
Lĩnh vực	Chính sách
Bất động sản	Luật Kinh doanh Bất động sản 2023, Luật Nhà ở 2023 và Luật Đất đai 2024 đã được thông qua và có hiệu lực từ 01/08/2024 (sớm hơn 5 tháng so với nghị quyết của Quốc hội tại kỳ họp tháng 1/2024) Nghị quyết số 161/2024/QH15
Thị trường chứng khoán	Luật Chứng khoán sửa đổi Thông tư 68/2024/TT-BTC
Hỗ trợ doanh nghiệp	Gia hạn/ miễn/ giảm các loại thuế (VAT, thu nhập cá nhân, tiêu thụ đặc biệt). Nghị định số 72/2024/NĐ-CP; Nghị định 64/2024/NĐ-CP, Nghị định 65/2024/NĐ-CP
Chính sách khác	31 Luật đã được Quốc hội thông qua trong các kỳ họp Quốc hội thứ 5,7,11. Trong đó, một số luật tiêu biểu như: Luật Đầu tư công 2024, Luật Thuế giá trị gia tăng 2024,...

Nguồn: ABS Research tổng hợp

**Nền kinh tế Việt Nam liên tục duy trì mức tăng trưởng mạnh mẽ qua các quý (Q1: +5,87%; Q2: +6,93%; Q3: +7,4%). Tính chung 9 tháng năm 2024, GDP tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:**

- Khu vực công nghiệp và xây dựng, sản xuất của nhiều ngành công nghiệp trọng điểm tăng cao so với cùng kỳ năm trước và mạnh nhất trong các khu vực. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,76%; ngành xây dựng tăng 7,48%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 11,11%. Ngược lại, ngành khai khoáng sụt giảm 7,01%.
- Khu vực dịch vụ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhờ các ngành bán buôn, bán lẻ tăng 7,56% so với cùng kỳ năm trước, vận tải – kho bãi tăng 11,03%; tài chính – ngân hàng – bảo hiểm, dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 6,47%; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ tăng 6,08%.
- Khu vực nông nghiệp phía bắc chịu ảnh hưởng nặng nề từ cơn bão số 3 vào tháng 9/2024 nên tăng trưởng có xu hướng chậm lại so với cùng kỳ các năm trước, tăng 3,20%, chỉ cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ 2020 do ảnh hưởng bởi COVID. Các tỉnh phía nam, sản xuất vẫn phát triển ổn định, một số vùng trọng điểm về chăn nuôi, thủy sản tăng ổn định góp phần giảm thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam đang chuyển dần từ quy mô nhỏ lẻ sang hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, tập trung vào chất lượng, bền vững và đáp ứng yêu cầu quốc tế.

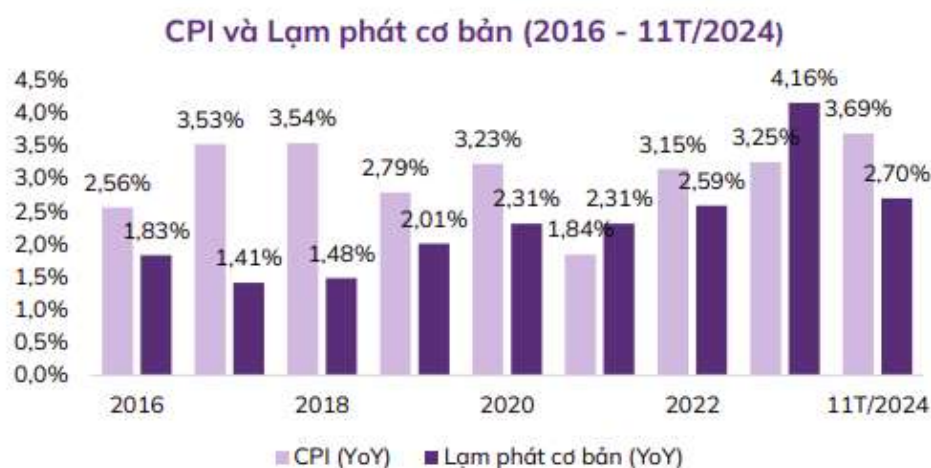
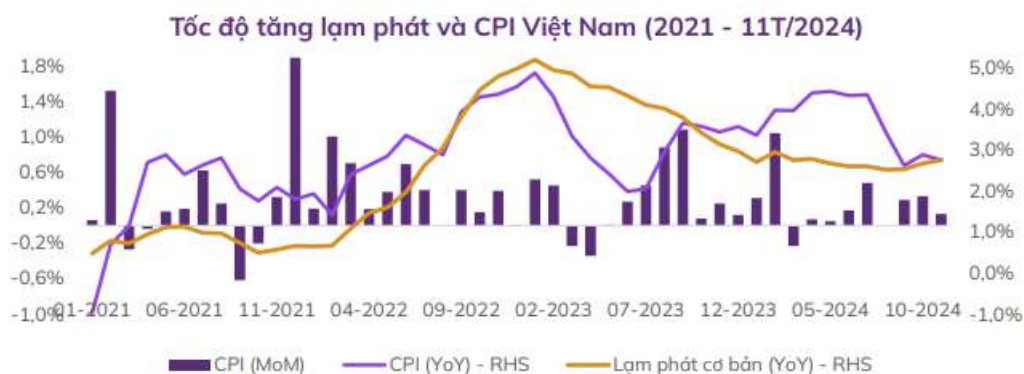
- Về cơ cấu nền kinh tế 9T/2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,64%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,10%; khu vực dịch vụ chiếm 42,80%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,46%.



**Tính chung cả 11T/2024, chỉ số CPI tăng 3,69% so với năm trước. Nếu không có gì bất ngờ diễn ra CPI chắc chắn sẽ đạt mục tiêu < 4,5% mà Quốc hội đề ra.**

- CPI bình quân 11 tháng năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước do nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng giá do giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, thiên tai bão lũ và nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Lễ, Tết cùng với giá thịt lợn tăng; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng; trong năm học 2024, một số địa phương đã tăng mức học phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế và bảo hiểm y tế tăng theo lương cơ sở.
- Ngược lại, chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm trong nước giảm 1,06% svck, do giảm giá của các dòng điện thoại thông minh.

- Lạm phát cơ bản tăng 2,7%, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,6%) chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng, dịch vụ y tế và giáo dục cũng là những yếu tố làm tăng mạnh CPI và được loại trừ khỏi danh mục tính lạm phát cơ bản.

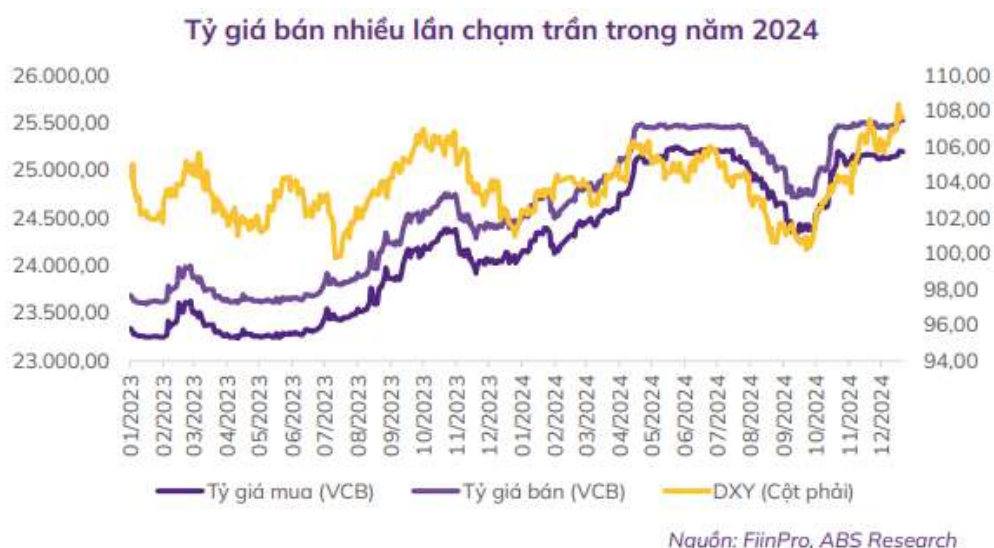


Nguồn: GSO, ABS Research

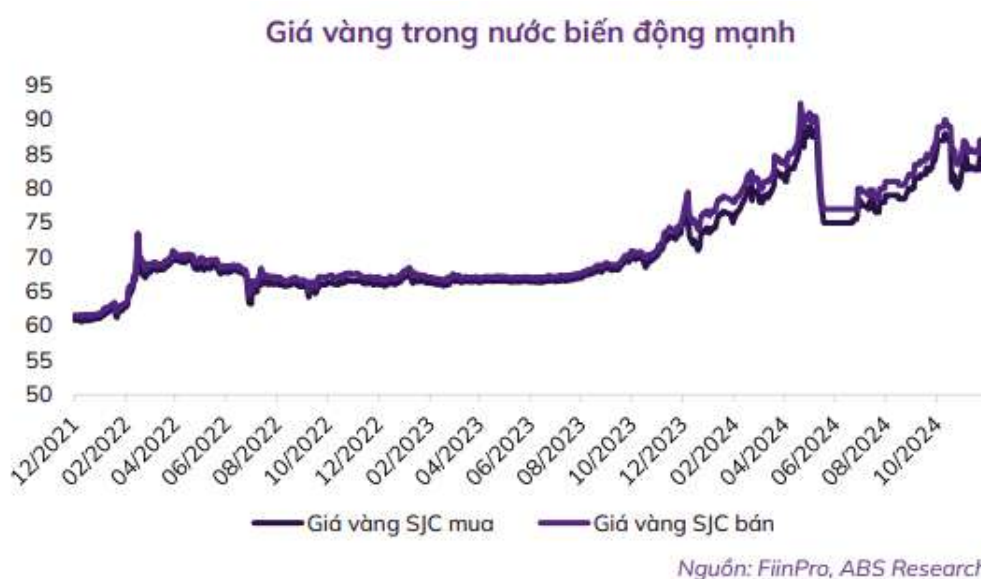
### Tỷ giá tăng và giá vàng biến động khó lường

- Tính đến ngày 20/12, chỉ số DXY tăng mạnh lên mức 108,54, tăng mạnh 5,4% so với đầu năm và là mức cao nhất trong 2 năm. Cùng với xu hướng tăng của DXY, tỷ giá tăng mạnh đạt 25.540 đồng/USD (tỷ giá bán VCB ngày 20/12/2024), tăng 4.2% YTD. Nguyên nhân của tỷ giá mạnh lên do (i) chỉ số DXY tăng mạnh (ii) nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp tăng mạnh do nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho mùa sản xuất cuối năm (iii) Kho bạc Nhà nước mua 1 lượng lớn USD để trả nợ nước ngoài.
- NHNN can thiệp chủ yếu qua 2 công cụ phát hành tín phiếu và bán ngoại tệ. Hiện tại, tỷ giá USD/VND tham chiếu tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước mua vào - bán ra tại ngày 20/12 ở mức 23.400 – 25.450 đồng/USD.





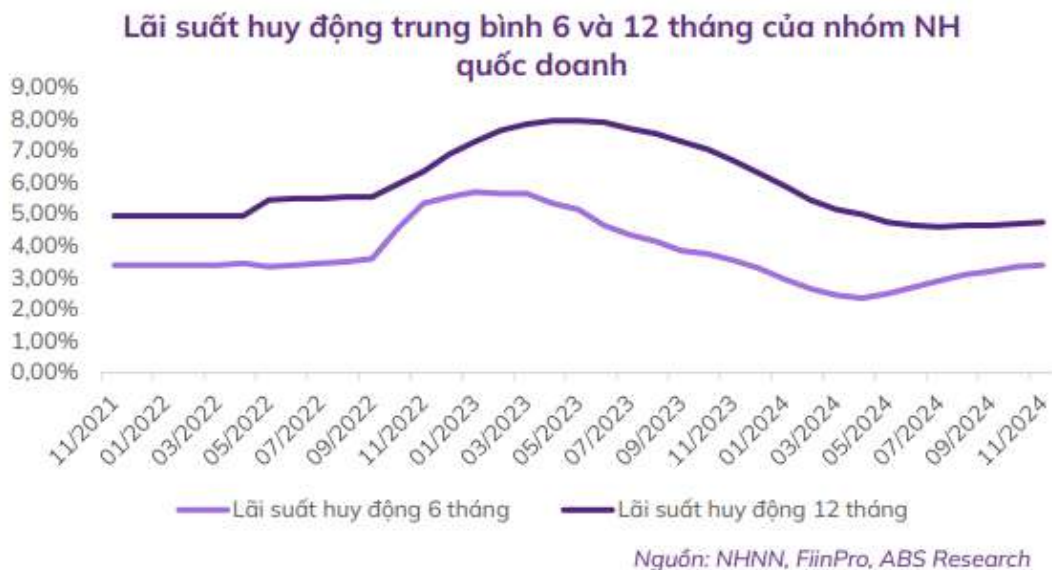
- Trong năm 2024, giá vàng trong nước đã có những biến động mạnh. Một vài thời điểm giá bán vàng SJC bật mạnh lên trên mức 90 triệu đồng/lượng do tình hình căng thẳng địa chính trị và triển vọng các NHTW lớn như ECB và FED hạ lãi suất. Những ngày cuối năm 2024, giá vàng có xu hướng hạ nhiệt cùng với xu hướng giá vàng thế giới trong bối cảnh Fed có tín hiệu thận trọng hơn trong việc cắt giảm lãi suất.



- Trước tình hình giá vàng trong nước chênh lệch lớn với giá vàng thế giới, NHNN đã có những biện pháp cụ thể để bình ổn giá vàng. Trong tháng 4 và tháng 5, NHNN đã tổ chức 9 phiên đấu thầu với tổng khối lượng trúng thầu 48.500 lượng, tuy nhiên chênh lệch giữa giá vàng SJC và giá thế giới vẫn ở mức cao. Sau đó, NHNN chuyển sang phương thức bán vàng miếng cho 4 ngân hàng quốc doanh đến hết 29/10. Việc can

thiệp đã mang lại hiệu quả phần nào khi chênh lệch giá vàng chỉ còn trong khoảng 3-5 triệu đồng/lượng so với có những thời điểm trước đây lên đến 18 triệu đồng/lượng.

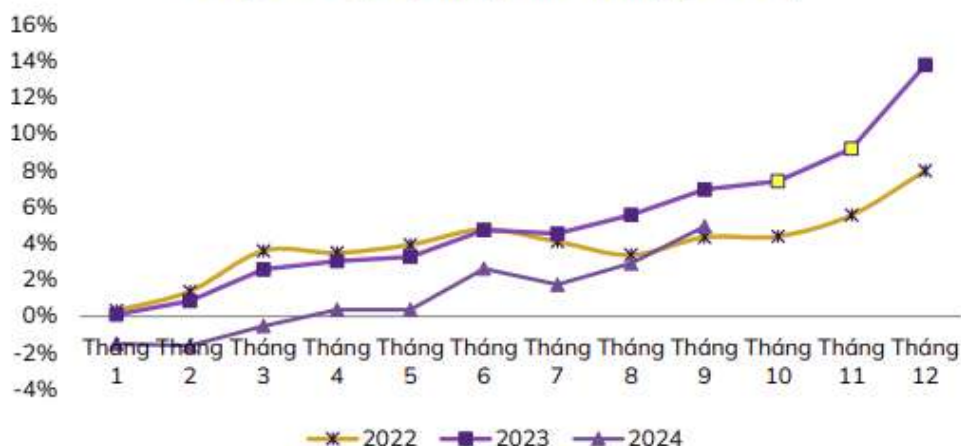
### Huy động tăng trưởng chậm



- Tháng 9/2024, tổng tiền gửi của dân cư và tổ chức kinh tế đạt hơn 14 triệu tỷ đồng, tăng 4,9% YoY, thấp hơn rất nhiều so với mức tăng trưởng tín dụng. Điều này trái ngược với tình hình năm 2023, khi các NHTM thuận lợi trong việc huy động tiền gửi trong bối cảnh mức lãi suất huy động thấp kỷ lục. Đến cuối năm 2024, lãi suất huy động có xu hướng nhích nhẹ lên sau khi tạo đáy vào Q2/2024 nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với giai đoạn dịch COVID.
- Tiền gửi tăng trưởng chậm do một số nguyên nhân sau:
  - Lãi suất huy động thấp trong khi các thị trường tài sản khác tăng giá nên dòng tiền được rút khỏi ngân hàng để đầu tư vào vàng, bất động sản và các kênh đầu tư có hiệu suất sinh lời cao hơn. Đặc biệt, thị trường tiền điện tử sôi động trở lại mà Việt Nam đứng thứ hai thế giới về tỷ lệ sở hữu tiền số (theo thống kê của công ty thanh toán tiền điện tử Triple-A công bố vào hồi tháng 5/2024).
  - Nền kinh tế phục hồi nhưng vẫn còn nhiều khó khăn khiến người dân giảm tiết kiệm.

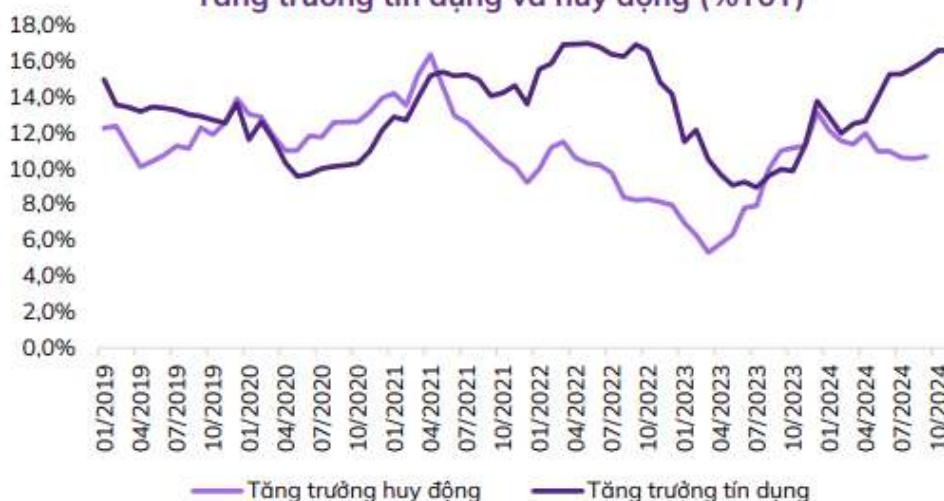


**Tăng trưởng huy động theo tháng (%YTD)**



Nguồn: NHNN, ABS Research

**Tăng trưởng tín dụng và huy động (%YoY)**



Nguồn: NHNN, FiinPro, ABS Research

### c. Thị trường chứng khoán Việt Nam

- VN-Index khởi đầu năm 2024 với xu hướng tăng khá tích cực, được hỗ trợ bởi kỳ vọng về sự phục hồi của nền kinh tế Việt Nam và các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ. Các chỉ số kinh tế vĩ mô như tăng trưởng GDP, sản xuất công nghiệp, tiêu dùng và xuất khẩu có dấu hiệu khả quan, tạo động lực cho thị trường chứng khoán.
- Tuy nhiên, việc FED duy trì chính sách lãi suất cao, kết hợp với những biến động địa chính trị toàn cầu, đã tạo ra áp lực lớn đối với thị trường chứng khoán trong nước. Chỉ số DXY leo lên mức 105, trong khi lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ đạt 4,4%, khiến dòng vốn rút khỏi các thị trường mới nổi, bao gồm Việt Nam. Điều này cũng gây sức ép lên đồng VND, khiến Ngân hàng Nhà nước phải thực hiện các biện pháp thắt chặt tiền tệ. Hệ quả là VN-Index đã trải qua một đợt điều chỉnh mạnh, đưa chỉ số trở lại gần mức khởi điểm của năm.
- Trong năm 2024, có tổng cộng 4 lần VN-Index cố gắng “chinh phục” mốc 1300 nhưng đều không thành công, theo sau là những pha điều chỉnh mạnh. Mặc dù FED đã cắt giảm lãi

suất 50 điểm cơ bản vào ngày 18/9, nhưng lo ngại về nền kinh tế toàn cầu, lạm phát và tình hình chính trị khiến nhà đầu tư thận trọng. Đặc biệt, dòng vốn ngoại liên tục bán ròng, khiến dòng tiền trong nước và quốc tế không đồng thuận, kìm hãm sự phục hồi bền vững của VN-Index. Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12, VN-Index đóng cửa ở mức 1.266,78 điểm, tăng +13,06% so với đầu năm.

- Với triển vọng kinh tế có sự bứt phá mạnh mẽ trong năm 2025 tiến vào kỷ nguyên mới, lãi suất toàn cầu trong đà giảm và lãi suất VND vẫn duy trì ở mức thấp, xuất nhập khẩu phục hồi, lạm phát và tỷ giá trong khả năng kiểm soát của chính phủ, đầu tư công giải ngân mạnh, Việt Nam tiếp tục là điểm đến đầu tư hấp dẫn của dòng vốn FDI, tăng trưởng tín dụng cải thiện, nhiều cải cách thể chế được thực hiện... ABS dự báo VN-Index năm 2025 tăng vượt đỉnh năm 2024 và hướng tới mục tiêu 1345 – 1358 và 1370 -1397 điểm trong kịch bản chủ đạo. Mức định giá được nâng lên nhờ vào sự cải thiện của cả KQKD của doanh nghiệp và dòng tiền thị trường, trên nền mặt bằng lãi suất được duy trì ở mức thấp và dòng vốn ngoại quay trở lại.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% tăng giảm TH2024/ KH 2024	% tăng giảm TH2024/ TH 2023
		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2024		
1	Chỉ số Vn-Index	1,129.93		1,266.78		12.11%
2	Doanh thu hoạt động	304,912,639,828	311,757,364,861	381,726,836,453	22.44%	25.19%
3	Chi phí hoạt động kinh doanh	130,578,661,039	103,128,035,506	165,871,299,248	60.84%	27.03%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	80,218,786,122	83,629,329,355	81,981,295,927	-1.97%	2.20%
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	93,964,712,743	125,000,000,000	131,724,854,337	5.38%	40.19%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	73,854,160,969	100,000,000,000	103,203,054,235	3.20%	39.74%

Năm 2024 là một năm khó khăn của thị trường chứng khoán Việt Nam, chỉ số VNindex tăng 12.11%. Tình hình suy giảm chung của thị trường chứng khoán cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của công ty.

Năm 2024, doanh thu toàn công ty đạt 381.7 tỷ tương ứng với mức tăng 25.19% so với năm 2023, mức tăng này chủ yếu đến từ doanh thu từ hoạt động cho vay, hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán.

Chi phí kinh doanh năm 2024 giảm 27.03% so với năm ngoái. Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2024 tăng 2.20% so với năm 2023 và giảm 1.97% so với kế hoạch. Về tổng thể,

lợi nhuận trước thuế đạt 131.7 tỷ tăng 40.19% so với năm 2023 và tăng 5.38% so với kế hoạch đề ra.

**2. Tổ chức nhân sự**

**a. Danh sách Ban điều hành**

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày sinh	Số CMT	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Nhâm Hà Hải	Tổng Giám đốc	19/12/1977	017077000139	25/09/2023	Cục Cảnh sát QLHC Về TTXH
2	Đặng Hải Chung	Phó Tổng Giám đốc	11/10/1980	001080018410	04/11/2020	Cục Cảnh sát QLHC Về TTXH
3	Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	16/01/1983	034183001341	16/05/2023	Cục Cảnh sát QLHC Về TTXH

Các thành viên Ban điều hành không sở hữu cổ phần biểu quyết trong công ty.

**b. Tình hình thay đổi trong Ban điều hành**

Họ và tên/ Chức danh đầu kỳ	Họ và tên/ Chức danh thay đổi trong kỳ	Ngày thay đổi	Ngày kết thúc	Họ và tên/ Chức danh cuối kỳ	Ngày thay đổi	Lí do thay đổi
Ông Nhâm Hà Hải/ Tổng Giám đốc				Ông Nhâm Hà Hải/ Tổng Giám đốc		
Ông Đặng Hải Chung/ Phó Tổng Giám đốc				Ông Đặng Hải Chung/ Phó Tổng Giám đốc		
Bà Lê Thị Thu Hiền /Kế toán trưởng				Bà Lê Thị Thu Hiền /Kế toán trưởng		

**c. Chính sách đối với người lao động**

Tổng số CBNV trung bình trong năm 2024 của công ty là 142, gần như không thay đổi so với cuối năm 2023. Việc thực thi các chính sách đãi ngộ, phúc lợi và phát triển văn hóa doanh nghiệp, tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, ghi nhận kịp thời đóng góp của CBNV vẫn tiếp tục được BLD công ty ưu tiên, cụ thể:

- Công ty đã điều chỉnh nâng lương, bổ nhiệm hoặc nâng ngạch 31 CBNV có thành tích tốt và đủ năng lực đảm nhiệm vị trí cao hơn. Nhiều CBNV và ĐVKD đạt và vượt chỉ tiêu kinh doanh đã được vinh danh hàng tháng, hàng quý.
- Công ty duy trì gói bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho toàn thể CBNV (chi trả 100% chi phí) giúp hỗ trợ cho CBNV trong điều trị nội trú, ngoại trú cũng như các rủi ro khác về sức khỏe bên cạnh hoạt động Kiểm tra, khám sức khỏe hàng năm cho CBNV tại các cơ sở uy tín.

- Việc thanh toán phúc lợi cùng với các hoạt động gắn kết vào các ngày đặc biệt trong năm như Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, Quốc tế phụ nữ, Ngày hội ABS Kids, Rằm Trung thu, Quốc tế Đàn ông... đã được thực hiện đầy đủ, thu hút sự tham gia đông đảo và đạt được mức độ hài lòng của tất cả CBNV.
- “Ngày áo tím” cũng đã được phát động và duy trì vào thứ Tư hàng tuần kể từ tháng 4/2024
- Hoạt động team building tại Cửa Hội vào tháng 8/2024 với những tiết mục văn nghệ sôi động, nhiệt huyết tại đêm Gala, Bước chạy bút phá vào sáng sớm và chương trình đi thăm Làng Sen quê Bác cũng đã được tổ chức thành công cho CBNV toàn công ty.

Đặc biệt, nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, Công ty đã tổ chức 1 loạt các hoạt động nhiều ý nghĩa, có sức lan tỏa rộng khắp:

- Góp quỹ từ thiện và đến Lào Cai để hỗ trợ đồng bào bị ảnh hưởng bởi cơn bão Yagi ngày 16/9/2024.
- Cuộc thi viết “ ABS trong trái tim tôi” đã nhận được rất nhiều bài thơ, truyện, tự sự và cả những bài hát từ CBNV với cảm xúc chân thực, sâu sắc, lắng đọng tình đồng đội, niềm say mê trong công việc, niềm tự hào về Công ty, về những kỷ niệm đáng nhớ trong hành trình vượt qua thử thách, cùng nhau phát triển.
- Giải “ABS chạy cùng nhau” tuy chỉ diễn ra trong 1 tháng với 66 người tham gia nhưng đã đạt được quãng đường 17.277 km qua 1.620 giờ tham gia bằng việc đi bộ / chạy / đạp xe của cá nhân và/ hoặc theo đội nhóm. Các thành viên tham gia đều cố gắng vượt qua giới hạn của bản thân và duy trì việc rèn luyện kể cả sau khi kết thúc giải vì thấy rõ tác động tích cực đến sức khỏe và tinh thần của hoạt động thể chất.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Không phát sinh
- Các công ty con, công ty liên kết: Không phát sinh

### 4. Tình hình tài chính

#### a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2024	2023	%tăng giảm/
Tổng giá trị tài sản	3,390,042,913,247	2,298,732,134,274	47.47%
Doanh thu thuần	381,726,836,453	304,912,639,828	25.19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	133,874,241,278	94,115,192,667	42.25%
Lợi nhuận khác	(2,149,386,941)	(150,479,924)	1328.35%
Lợi nhuận trước thuế	131,724,854,337	93,964,712,743	40.19%
Lợi nhuận sau thuế	103,203,054,235	73,854,160,969	39.74%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
<b>1, Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
<i>Hệ số thanh toán ngắn hạn</i>			
- Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2.27	1.30	
<i>Hệ số thanh toán nhanh</i>			
- <u>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2.27	1.30	
<b>2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
<i>Hệ số Nợ / Tổng tài sản</i>	41.83%	57.65%	
<i>Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu</i>	71.91%	136.10%	
<b>3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
<i>Doanh thu thuần / Tổng tài sản</i>	13.26%	11.26%	
<b>4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
<i>Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần</i>	24.22%	27.04%	
<i>Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu</i>	5.52%	7.19%	
<i>Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản</i>	3.21%	3.04%	
<i>Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần</i>	30.87%	35.07%	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 101.150.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Toàn bộ là Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 22,567,324 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của chủ sở hữu: 78,582,676 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

Tổng số cổ đông: 1477 cổ đông, trong đó:

- Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên) là 04 cổ đông, cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%) là 1473 cổ đông, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên/tên giao dịch đối với tổ chức	Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ góp vốn cổ phần	Mức góp vốn (đồng)
1	Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	Số 36 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, Hà Nội.	45,85%	463.795.170.000
2	Vũ Đức Chính	25/61 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội	10,73%	108.550.710.000
3	Vũ Thị Minh Trang	Số nhà 25, Ngõ 61 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội	7,45%	75.388.500.000
4	Nguyễn Văn Anh	Số 187 Đại La, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	6,69%	67.649.180.000
5	Các cổ đông khác		29,27%	296.116.440.000
	Tổng cộng		100%	1.011.500.000.000

- Cổ đông tổ chức: 05 cổ đông; Cổ đông cá nhân: 1472 cổ đông, cụ thể như sau:

TT	Họ và tên/tên giao dịch đối với tổ chức	Số giấy CMND/số Giấy CNĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ góp vốn cổ phần	Mức góp vốn (đồng)
1	Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	ĐKKD số 0100514947 do Sở KH-ĐT Hà Nội cấp 13/04/2007, sửa đổi bổ sung lần thứ 16 ngày 15/06/2017	36 Hoàng Cầu, Q Đống Đa, Tp.Hà Nội	45,85%	463.795.170.000
2	Công ty Cổ phần TBIC	ĐKKD số 2300740922 do Sở KH-ĐT Hà Nội cấp 18/06/2012, sửa đổi bổ sung ngày 12/06/2020	Số nhà 25, Ngõ 61 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội	4,29%	43.382.380.000
3	CTCP đầu tư DVTM Lâm nghiệp Long Bình An	Mã số DN 5000294366 do Sở KH-ĐT Tuyên Quang cấp lần đầu 23/06/2008; thay đổi mới nhất ngày 30/6/2022	Thôn An Hòa, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	0,33%	3.300.000.000
4	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư DKL Capital		Tầng 6 Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội	0.02%	160.000.000

5	FOCULUS OY		C/O Salonen Hameenapajantie 22 B00850 Helsinki Finland	1,38%	14.000.000.000
6	Các cổ đông cá nhân khác			48,13%	486.862.450.000
	Tổng cộng			100%	1.011.500.000.000

- Cổ đông trong nước: 1473 cổ đông sở hữu 98,61% vốn điều lệ, cổ đông nước ngoài: 4 cổ đông
- Cổ đông nhà nước: 0 cổ đông, cổ đông khác: 1473 cổ đông sở hữu 100% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 100% (Căn cứ công văn số 1544/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 28/03/2022).

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Nội dung	Vốn điều lệ (đồng)	Đối tượng chào bán	Đơn vị cấp
1	Giấy phép số 16/UBCK-GPHĐKD ngày 29/09/2006 của UBCKNN về Thành lập CTCP chứng khoán An Bình	50.000.000.000	Thành lập Công ty	UBCKNN và Sở KHĐT TP. Hà Nội
2	Giấy phép số 266/UBCK-GP ngày 18/04/2007 của UBCKNN về thay đổi vốn điều lệ	330.000.000.000		UBCKNN
3	Giấy phép số 178/UBCK-GP ngày 10/12/2008 của UBCKNN về thay đổi vốn điều lệ	397.000.000.000		UBCKNN
4	Giấy phép số 79/GPĐC - UBCK ngày 16/09/2021 của UBCKNN về thay đổi vốn điều lệ	1.000.439.880.000	Cổ đông hiện hữu và chi trả cổ tức	UBCKNN
5	Giấy phép số 69/GPĐC - UBCK ngày 04/08/2022 của UBCKNN về thay đổi vốn điều lệ	1.011.500.000.000	CBCNV	UBCKNN

d. Giao dịch cổ phiếu Quỹ: Không có

**6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

a. Chung tay bảo vệ môi trường

Trong năm 2024, ABS tiếp tục phát động và triển khai các chương trình bảo vệ môi trường như hưởng ứng Giờ Trái Đất; ngày Nước Thế Giới; Chương trình tiết kiệm điện và hạn chế sử dụng năng lượng; Tham gia vệ sinh môi trường tại một số địa điểm công cộng... Các chương trình trên đều được cán bộ nhân viên toàn công ty đồng tình ủng hộ, giúp nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, khơi gợi tình yêu thương gắn bó với thiên nhiên. Là một doanh nghiệp hoạt



động trong lĩnh vực đầu tư – tài chính – chứng khoán, các tác động trực tiếp của ABS đến môi trường trong quá trình vận hành là không đáng kể. Tuy vậy, các mục tiêu bảo vệ môi trường luôn được gắn kết với mọi hoạt động nội bộ của Công ty.

Không chỉ giới hạn trong nội bộ công ty, ABS cũng tích cực tham gia vào các hoạt động tài chính bền vững. Chúng tôi ưu tiên **hỗ trợ các dự án đầu tư có yếu tố môi trường**, khuyến khích khách hàng và đối tác hướng đến các giải pháp tài chính xanh. Đây là một trong những bước đi quan trọng giúp công ty đồng hành cùng thị trường trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế bền vững.

b. Tham gia giải chạy SSC – Run “Hướng tới tương lai”

Trên hành trình 18 năm hình thành và phát triển, ABS không chỉ tập trung vào hoạt động kinh doanh giữ vững tăng trưởng doanh nghiệp, mà thời gian qua, ABS cũng đặc biệt quan tâm phát triển bền vững với chuỗi hoạt động và những dự án thiết thực nâng cao nhận thức, trách nhiệm với cộng đồng, môi trường và xã hội.

Và để phát huy hơn nữa những giá trị tích cực, hướng tới một lối sống xanh, một tương lai bền vững, các thành viên ABS đã tham gia giải chạy “SSC Run – Hướng tới tương lai” do Đoàn Thanh niên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức tại Ecopark.

Giải chạy không chỉ nhằm mục đích nâng cao sức khỏe cho các cá nhân mà qua giải chạy lần này, mỗi km chạy bộ còn đóng góp 10.000 đồng cho các mục tiêu hướng tới môi trường, xã hội và công việc thiện nguyện.

c. Tối giản vật liệu xây dựng

Vật liệu được sử dụng trong quá trình vận hành và cung cấp dịch vụ của ABS chủ yếu là giấy in, mực in và đồ dùng văn phòng phẩm. Trong năm 2024, ABS đã đẩy mạnh quá trình số hóa các giao dịch hoạt động giúp giảm đáng kể lượng văn bản tài liệu cần in ấn, từ đó làm giảm chi phí mực in cũng như lượng giấy thải ra môi trường. Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng một số biện pháp tiết kiệm nguồn vật liệu như xây dựng hạn mức giấy in, đồ dùng văn phòng phẩm được sử dụng; tái sử dụng giấy in một mặt. Kiểm soát năng lượng tiêu thụ Điện và xăng dầu là 2 loại năng lượng chính được tiêu thụ trong hệ thống hoạt động kinh doanh của ABS. Điện được dùng để duy trì hệ thống thấp sáng, hệ thống điều hòa và hệ thống máy tính làm việc. Nguồn tiêu thụ xăng của Công ty chủ yếu đến từ các xe ô tô chuyên chở cán bộ nhân viên công tác tại các tỉnh, thành phố trên cả nước, tập trung tại các thành phố lớn như TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## 1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tăng trưởng thị phần từ 0,43% năm 2023 lên 0,49% năm 2024 và doanh thu phí gross 78,163 tỷ, tăng trưởng 30,4% so với 2023 và đạt 74,8% kế hoạch, doanh thu phí net 32,4 tỷ, dư nợ cho vay 1.012 tỷ.
- Hoạt động nguồn vốn năm 2024 tập trung vào việc mở rộng hạn mức vay vốn để đáp ứng tăng trưởng cho vay margin/ứng trước, gia tăng quy mô kinh doanh vay-gửi trên thị trường tiền tệ, tận dụng chênh lệch lãi suất giữa các ngân hàng và chênh lệch lãi suất giữa các kỳ hạn và các giao dịch môi giới trong ngày/T+.
- Chiến lược số được tiếp tục thực thi trong năm 2024 khi ABS tập trung hoàn thiện platform giao dịch ABS Invest bản web và bản mobile, kết thúc năm 2024 hai platform này về cơ bản gần hoàn thiện để kế hoạch sẽ đóng bản ABS Mobile cũ trong tháng 2/2025 và đóng bản web cũ iTrade trong 6 tháng đầu năm 2025. Năm 2024 mảng công nghệ cũng thực hiện việc nâng cấp năng lực back up dữ liệu hệ thống để phòng ngừa rủi ro bị tấn công, triển khai hệ thống kiểm soát và truy vết người dùng truy cập (sau vụ VNDirect), triển khai rà soát và kiểm thử hệ thống chuẩn bị cho việc Sở GDCK nâng cấp hệ thống KRX.
- Mảng Dữ liệu và QTRR xây dựng thêm mô hình định lượng, tập trung công tác làm sạch cơ sở dữ liệu hệ thống và đã hoàn thành tại thời điểm này để bắt đầu năm 2025 xây dựng các báo cáo đa chiều về khách hàng phục vụ phân tích kinh doanh và bộ phận dữ liệu bắt đầu nghiên cứu các sáng kiến ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên công nghệ máy học
- Cuối năm 2024, ABS bắt đầu triển khai dự án am hiểu khách hàng với việc đào tạo các hạt nhân của các bộ phận về phương pháp luận và thực hành hoạt động am hiểu khách hàng theo phân khúc và chân dung điển hình, làm cơ sở cho việc triển khai rộng trong năm 2025 để có thêm nhiều ý tưởng và xây dựng giải pháp, thiết kế lại hành trình để tối ưu sản phẩm và nâng cấp trải nghiệm khách hàng.
- Hoạt động tiếp thị thương hiệu tiếp tục được chú trọng dựa trên việc quảng bá sản phẩm, nền tảng giao dịch, chương trình ưu đãi và định kỳ phát hành báo cáo chiến lược vĩ mô và thị trường được các báo đăng tải và trích dẫn. Trong năm ABS cũng đoạt 2 giải thưởng: CTCK có đội ngũ phân tích tốt nhất (do Euromoney bình chọn) và CTCK có ứng dụng giao dịch mới tốt nhất (do International Finance bình chọn).
- ABS thực hiện rà soát và điều chỉnh thu nhập và mức đóng bảo hiểm cho một số cán bộ, chủ yếu là nhân sự môi giới do chưa được điều chỉnh hợp lý hoặc do được bổ nhiệm để giữ chân nhân sự chủ chốt, với số lượng rất hạn chế nhằm kiểm soát chi phí. Bên cạnh đó, ABS cũng chú trọng các hoạt động gắn kết nội bộ và nâng cấp cơ sở vật chất nhằm tăng tính gắn kết với tổ chức trong bối cảnh cạnh tranh nhân sự khốc liệt
- Triển khai hoạt động thi tuân thủ định kỳ nhằm nhắc nhở các quy định và khuyến cáo vấn đề tuân thủ với CBNV. Các hoạt động kiểm soát nội bộ được duy trì thường xuyên liên tục và có sự phối hợp chặt chẽ, báo cáo Ban kiểm soát.

## 2. Tình hình tài chính

Chỉ số tài chính	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023
Tổng tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn (lần)	1.30	2.27
Tổng tiền các và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (lần)	0.95	0.82
Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản	57.65%	41.83%
Tỷ lệ nợ phải trả/ VCSH (%)	136.10%	71.91%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu hoạt động (ROS%)	27.04%	24.22%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA%)	3.04%	3.21%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE%)	7.19%	5.52%

Tại thời điểm kết thúc năm 2024, quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của công ty là 3390.1 tỷ đồng và 1435.8 tỷ đồng, nợ phải trả đạt 1954.2 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản và nợ phải trả/vốn chủ sở hữu lần lượt đạt mức 57.65% và 136.10%.

Hiệu quả kinh doanh trong đó ROS đạt 27.04% so với 24.22%, ROE đạt 7.19% so với 5.52% năm 2023.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban lãnh đạo công ty đã triển khai các chính sách / chương trình nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh, vận hành hiệu quả:

- Thường xuyên rà soát và cải tiến **Chính sách hoa hồng dành cho môi giới** nhằm đẩy mạnh việc mở rộng thị phần, tăng trưởng doanh thu;
- Tiếp tục thử nghiệm **mô hình Trung tâm kinh doanh** và các đơn vị kinh doanh mới để tìm ra và tạo điều kiện phát triển đội ngũ Kinh doanh.
- Tổ chức ôn và **thi tuân thủ các quy trình – quy chế nội bộ** nhằm giúp truyền thông sâu rộng cho CBNV về hệ thống các văn bản của Công ty, đồng thời giảm thiểu tối đa nguy cơ rủi ro khi thực hiện nghiệp vụ.
- Thực hiện **đánh giá hiệu quả công việc cá nhân** nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ nhân viên, làm cơ sở cho các hoạt động nhân sự như khen thưởng, đào tạo & phát triển...

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

### a. Các điểm mạnh và thuận lợi

- Tính đến 31/12/2024, số điểm giao dịch của ABS bao gồm: Các phòng môi giới trực thuộc Hội sở. Các chi nhánh trực thuộc tại TP. Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng, Đà Nẵng, Vũng Tàu; Thái Bình, Bắc Ninh, Huế;

- ABS được đánh giá là công ty chứng khoán lâu năm trên thị trường, hoạt động cốt lõi bền vững với lĩnh vực môi giới và tư vấn hoạt động khá hiệu quả.
- ABS đã xây dựng được cơ sở khách hàng ổn định, với tổng số hơn 50,000 tài khoản với mạng lưới có mặt tại 8 tỉnh, thành phố, mang lại nguồn thu ổn định từ phí và lãi vay.
- Về nhân sự và quản trị: ABS duy trì số lượng nhân viên và quỹ lương phù hợp. Tính đến thời điểm 31/12/2024 là 142 người. Số lượng nhân viên thuộc mức trung bình trong nhóm 30 công ty chứng khoán lớn nhất.
- Với tư duy mới và cách quản trị mới, tập trung chuyển đổi và tập trung hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ đã giúp ABS nâng cao nhận diện thương hiệu, tạo ra nền tảng công nghệ tốt hơn, nâng cao chất lượng tư vấn và phục vụ khách hàng, từ đó tạo được những giá trị cốt lõi có thể giúp ABS phát triển khách hàng và tăng hiệu quả kinh doanh trong các năm tiếp theo...

b. Các điểm yếu và khó khăn

- Ngành chứng khoán đang có sự cạnh tranh khốc liệt khi số lượng các CTCK nhiều và quy mô vốn của các CTCK ngày càng tăng mạnh. Với quy mô vốn ở mức nhỏ trong ngành, ABS gặp khó khăn hơn về thương hiệu và khả năng đáp ứng nhu cầu cho vay của các khách hàng quy mô lớn.
- Thời gian gần đây các CTCK lớn đồng loạt triển khai chính sách miễn phí giao dịch (zero fee) nhằm cạnh tranh thị phần, hy sinh doanh thu phí để lấy doanh thu cho vay. Đối với các CTCK có vốn nhỏ như ABS, xu hướng này gây bất lợi do doanh thu phí giảm chung để giữ chân khách hàng trong khi không khai thác được doanh thu cho vay bù lại vì vốn nhỏ.

c. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

ABS hoạt động trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, do đó các sản phẩm dịch vụ của Công ty không ảnh hưởng nhiều và trực tiếp đến môi trường. Bên cạnh đó, để giảm thiểu các tác động gián tiếp đến môi trường, Công ty đã đẩy mạnh nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên trong việc sử dụng điện, nước và các văn phòng phẩm.

d. Báo cáo đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Không có CBNV nào bị xử lý kỷ luật hoặc khiếu kiện gì trong năm. Tuy trong Quý 4 công ty có đánh giá, sắp xếp lại các phòng ban theo cơ cấu tổ chức mới nhưng không ảnh hưởng xấu đến CBNV nhờ truyền thông rõ ràng về mục tiêu tối ưu hiệu quả của tổ chức và tạo điều kiện làm việc, phối hợp trong nội bộ hợp lý cho mỗi cá nhân đạt năng suất cao hơn. Tổng số nhân sự không thay đổi nhiều so với cuối năm 2023.

e. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa Phương  
Thực hiện đầy đủ 100% và phù hợp với các yêu cầu pháp luật của Nhà nước quy định./.

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Trên cơ sở nghiên cứu, cập nhật, chủ động triển khai các chuẩn mực toàn diện nhất về quản trị doanh nghiệp nói chung và quản trị công ty đại chúng nói riêng, trong năm 2024 Công ty đã thực hiện:

- Triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, bảo đảm công tác quản trị của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, nỗ lực bám sát các chuẩn mực được khuyến khích về quản trị công ty, phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển chung của Công ty;
- Tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, cập nhật thường xuyên các hoạt động của Công ty trên website, trên cổng thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về công bố thông tin, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi thông tin của khách hàng và nhà đầu tư;
- Thường xuyên xây dựng, ban hành, rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các quy chế, quy trình, quy định nội bộ, đảm bảo hoạt động nghiệp vụ ổn định, xuyên suốt, chuyên nghiệp, tuân thủ quy định của pháp luật;
- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nâng cao chất lượng đời sống của cán bộ nhân viên, phát triển các chính sách đãi ngộ trên cơ sở tuân thủ pháp luật lao động;
- Nghiên cứu triển khai các dịch vụ, giải pháp tài chính xanh, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững phù hợp với quan điểm chỉ đạo của các cơ quan nhà nước.

Bên cạnh các vấn đề chung về quản trị Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành đã tích cực phối hợp triển khai vai trò chỉ đạo, điều hành, giám sát, xây dựng các phương án kinh doanh, khắc phục các hạn chế tồn đọng, ổn định tình hình tài chính, kiểm soát quản trị rủi ro, bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về an toàn tài chính và các hạn mức có liên quan. Các mặt quản trị khác được quản lý, giám sát thường xuyên theo các quy định nội bộ của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật

## 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2024 ghi dấu một năm đầy thăng trầm của thị trường chứng khoán Việt Nam. Khởi đầu năm, thị trường chứng khoán hưng phấn với đà hồi phục từ cuối năm 2023. Với sự dẫn dắt của nhóm ngân hàng, VN-Index liên tục bứt phá mạnh từ vùng 1.130, vượt 1.200 và áp sát ngưỡng 1.300 điểm. Trong năm mặc dù, các nhóm ngành vẫn luân phiên kéo, giữ nhịp thị trường nhưng thiếu sự đồng thuận cần thiết để đưa VN-Index vượt ngưỡng 1.300 điểm. Kết năm 2024, VN-Index tăng 12% so với đầu năm, qua đó đóng cửa tại 1.266,78 điểm. HNX-Index giảm

1,6% đóng cửa tại 227,43 điểm, UPCoM-Index tăng 9% đóng cửa tại 95,06 điểm. Vốn hoá toàn thị trường vào khoảng 7 triệu tỷ đồng.

Trong bối cảnh đó, căn cứ trên điểm mạnh, điểm yếu cũng như đánh giá một cách thận trọng về các cơ hội và khả năng chấp nhận rủi ro của ABS, Hội đồng quản trị ABS đã đề ra phương hướng, chiến lược phù hợp để Ban Tổng Giám đốc chủ động triển khai nhằm đạt được kết quả kinh doanh hiệu quả nhất, cụ thể:

- Doanh thu: 381.7 tỷ đồng
- Chi phí kinh doanh: 165.9 tỷ đồng
- Chi phí hoạt động : 82 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 131.7 tỷ đồng (đạt 105,38% so với kế hoạch 125 tỷ đồng).

Hội đồng quản trị đã thực hiện vai trò giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành thông qua việc tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua các tài liệu, tờ trình, báo cáo của Ban Điều hành và các đơn vị chức năng. Căn cứ vào hoạt động chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị và kết quả thực tế tình hình thực hiện hoạt động kinh doanh, Hội đồng Quản trị đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024 như sau:

- Dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao trong công việc; Chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và theo ủy quyền/phân quyền của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ; Định hướng Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, xây dựng văn hóa tuân thủ trong phạm vi Công ty;
- Tổng Giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc đề xuất kế hoạch kinh doanh, các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh; nghiêm túc và nỗ lực triển khai một cách có hiệu quả các chủ trương chính sách và các chỉ đạo của Hội đồng Quản trị;
- Ban Điều hành chủ động trong việc tuyển dụng, thu hút và bồi dưỡng đội ngũ nhân sự có chất lượng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phù hợp và đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, kiện toàn cơ cấu tổ chức, tối ưu hóa nguồn lực, đồng thời nâng cao chất lượng đời sống của cán bộ nhân viên thông qua việc đề xuất, xây dựng, hoàn thiện chính sách đãi ngộ;
- Đảm bảo an toàn trong việc sử dụng vốn, không để xảy ra các trường hợp nợ xấu;
- Công tác quản trị rủi ro tiếp tục được chú trọng và triển khai có hiệu quả, bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn tài chính, góp phần đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định, an toàn;

3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT

Dựa trên những dự báo thị trường chứng khoán năm 2024, đặc điểm thực tế của ABS, Hội đồng quản trị xác định phương hướng kinh doanh chung của ABS trong năm 2025 là sẽ tập trung vào một số giải pháp và hoạt động cụ thể như sau:

- Triển khai các hoạt động phân tích và am hiểu khách hàng; Chú trọng phát triển các tính năng trên platform giao dịch để thu hút khách hàng mới và các tính năng tiện ích giúp khách hàng quản lý hoạt động đầu tư tốt hơn; Đẩy mạnh việc rà soát các quy chế, quy trình nội bộ để cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao trải nghiệm khách hàng; ứng dụng công nghệ giúp tăng năng suất, hiệu quả vận hành và chăm sóc khách hàng;
- Linh hoạt điều chỉnh chính sách phí và lãi suất cho vay để cạnh tranh nhưng có chọn lọc theo đối tượng để giảm thiểu tác động;
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động giao dịch tiền tệ hưởng chênh lệch lãi suất trên cơ sở quản lý khe hở kỳ hạn và dự báo xu hướng lãi suất trong từng thời điểm trong năm;
- Chủ trương chào bán trái phiếu ra công chúng để đáp ứng nhu cầu vốn;
- Tập trung nâng cao năng lực hệ thống công nghệ thông tin về khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển, khắc phục các lỗ hổng rủi ro bảo mật, rủi ro bị tấn công; Tiếp tục phát triển hoạt động quản trị rủi ro;
- Xây dựng chính sách thu hút và giữ chân nhân tài, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đồng thời hoàn thiện khung quản ký hiệu quả công việc của CBNV gắn liền với các mục tiêu chung của Công ty.
- Căn cứ tình hình thị trường và thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024 ( Tỷ đồng)	Kế hoạch 2025 ( Tỷ đồng)	So sánh thực hiện với Kế hoạch
Doanh thu	381,700,000,000	509,000,000,000	75%
Chi phí hoạt động	165,900,000,000	228,500,000,000	72.6%
Chi phí quản lý	82,000,000,000	80,500,000,000	101.8%
Lợi nhuận trước thuế	131,700,000,000	200,000,000,000	65.9%



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Cơ cấu HĐQT	Chức danh nắm giữ tại các Cty khác	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Chủ tịch: Bà Vũ Thị Hương	- Thành viên HĐQT, Tập đoàn Geleximco – Công ty CP - Thành viên HĐQT, CTCP Geleximco số 1 - Người phụ trách quản trị NHTM An Bình	Không
2	Thành viên: Bà Trần Kim Khánh	Trưởng ban Tài chính - Tập đoàn Geleximco – Công ty CP	Không
3	Thành viên: Ông Lê Việt Hà	- Thành viên HĐQT kiêm TGD, CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình - Thành viên HĐQT Trường Đại học CMC - Thành viên HĐQT, CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC	0,03%
4	Thành viên: Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Trưởng ban Tài chính - Tập đoàn Geleximco – Công ty CP	0,003%
5	Thành viên: Khương Đức Tiệp	Phó TGD, NHTM CP An Bình	Không

#### b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

STT	Tiểu ban trực thuộc HĐQT	Thành viên
1	Kiểm toán nội bộ	Nguyễn Thùy Linh

#### c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 15 cuộc họp để chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc các vấn đề liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh, định hướng hoạt động kinh doanh của ABS theo mục tiêu, kế hoạch đã đề ra, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Bên cạnh việc chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành trong các khía cạnh của hoạt động kinh doanh, HĐQT đã nỗ lực để hoàn thiện các chỉ tiêu quản trị công ty, phù hợp với thông lệ quản trị hiệu quả cao và quy định của pháp luật:

- HĐQT đảm bảo số lượng các cuộc họp HĐQT đầy đủ đối với những vấn đề cần phê duyệt của HĐQT, tổ chức họp kịp thời để đảm bảo các phương án kinh doanh được triển khai xuyên suốt, đảm bảo số lượng thành viên tham gia họp và hình thức họp đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và tính hiệu quả.
- HĐQT thông qua các Nghị quyết phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn, trên cơ sở đề xuất của các cấp quản lý, đảm bảo lợi ích cho khách hàng, cổ đông, đối tác và người lao động;

- HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các Nghị quyết của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể; thường xuyên rà soát và yêu cầu rà soát các chính sách, quy định của Công ty và kịp thời điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế;

d. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT phối hợp BKS thường xuyên phối hợp với Ban Điều hành để giám sát thường xuyên hoạt động của Công ty và việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2023 được ĐHĐCĐ thông qua một cách đầy đủ và hiệu quả.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Năm 2024, ABS tổ chức hoạt động đào tạo nội bộ về chuyên môn, nghiệp vụ trong đó có nội dung liên quan đến quản trị công ty (VD: quản trị rủi ro, công bố thông tin...) cho các cán bộ cấp Ban Điều hành, cán bộ quản lý các cấp, CBNV nghiệp vụ.

## 2. Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Bà Chu Thị Hương – Trưởng ban	Không
2	Bà Phạm Thị Bích Ngọc – Thành viên	Không
3	Bà Vũ Ngọc Anh – Thành viên	Không

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2024 của ABS đã được ĐHĐCĐ thông qua, giám sát việc hoạt động tuân thủ theo quy định của pháp luật, quy định của cơ quan quản lý nhà nước và Điều lệ của Công ty.
- Phối hợp với hoạt động của kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, BKS đã đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về các biện pháp tăng cường kiểm soát hoạt động, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo Công ty hoạt động tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ, nhằm đảm bảo Công ty hoạt động ổn định và hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.
- BKS cũng được cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty phục vụ cho việc kiểm soát của BKS và kiểm toán nội bộ.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

#### a) Lương, thưởng, giao dịch, thù lao và các lợi ích

Lương và thù lao của Hội đồng quản trị

Nội dung	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>4,786,779,341</b>	<b>3,120,000,000</b>
Vũ Thị Hương	Chủ tịch HĐQT	2,353,019,439	1,300,000,000
Trần Kim Khánh	Ủy viên HĐQT	755,862,697	455,000,000
Nguyễn Thị Nga	Ủy viên HĐQT	567,823,511	455,000,000
Lê Việt Hà	Ủy viên HĐQT	555,036,847	455,000,000
Khương Đức Tiệp	Ủy viên HĐQT	555,036,847	455,000,000

Lương và thù lao của Ban Kiểm soát

Nội dung	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>1,036,757,330</b>	<b>825,000,000</b>
Chu Thị Hường	Trưởng ban	490,574,102	390,000,000
Nguyễn Thị Dự	Thành viên	72,727,273	240,000,000
Phạm Thị Bích Ngọc	Thành viên	246,576,462	195,000,000
Vũ Ngọc Anh	Thành viên	226,879,493	

Lương và thù lao của Ban Tổng Giám đốc

Nội dung	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
<b>Ban Tổng giám đốc</b>		<b>1,016,192,000</b>	<b>663,000,000</b>
Nhâm Hà Hải	Tổng Giám đốc	534,200,000	299,000,000
Đặng Hải Chung	Phó TGD	312,792,000	234,000,000
Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	169,200,000	130,000,000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Trong năm 2024 công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu với người nội bộ.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Trong năm 2024, Công ty có phát sinh một số giao dịch với người nội bộ/người liên quan của người nội bộ công ty trên cơ sở triển khai các phương án kinh doanh, phục vụ các hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty:

- Hợp tác với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình (ABF);
- Vay vốn Ngân hàng TMCP An Bình (ABB);
- Hợp đồng thuê văn phòng của Tập đoàn Geleximco - Công ty Cổ phần.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Các quy định về quản trị Công ty nhìn chung tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời đã có xu hướng nỗ lực bám sát các chuẩn mực được khuyến khích về quản trị doanh nghiệp, phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển chung của Công ty.

Các tiêu chuẩn tối thiểu về quản trị công ty đều được chú trọng tuân thủ và triển khai một cách nghiêm túc. Bên cạnh đó, Công ty đã chủ động nghiên cứu các chuẩn mực quốc tế về quản

trị doanh nghiệp để công tác quản trị ngày càng phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, đảm bảo tốt nhất quyền lợi của cổ đông và các nhà đầu tư.

Công ty đã chú trọng việc minh bạch hóa thông tin và chủ động kết nối với khách hàng/nhà đầu tư. Để đảm bảo tính minh bạch thông tin, Công ty đã xây dựng một quy trình công bố thông tin đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế vận hành của công ty trên cơ sở cung cấp thông tin kịp thời cho nhà đầu tư. Website và các hệ thống thông tin của ABS cũng được theo dõi, phát triển thường xuyên, đảm bảo liên lạc thông suốt, đáp ứng yêu cầu của khách hàng, giúp nhà đầu tư dễ dàng tra cứu thông tin và nắm bắt được hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ.

ĐHĐCĐ thường niên tuân thủ quy định của pháp luật về gửi thư mời họp, cung cấp tài liệu họp, biểu quyết các nội dung họp, thông qua biên bản họp và nghị quyết ĐHĐCĐ... Ngoài ra, Công ty đã tham gia các hội thảo, tọa đàm về hướng dẫn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên đổi mới, sáng tạo, nỗ lực hướng tới việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên một cách đầy đủ, chính xác, chuyên nghiệp, bảo đảm quyền lợi của cổ đông.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu các chuẩn mực quản trị công ty theo xu hướng tiến bộ, hiện đại, nghiên cứu “Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN”, tài liệu “Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất” do UBCKNN và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) phát hành, đảm bảo hoạt động quản trị ngày càng minh bạch, hiệu quả, hướng tới sự phát triển chung của thị trường chứng khoán và môi trường doanh nghiệp Việt Nam.

**CTCP Chứng khoán An Bình**  
**Tổng Giám đốc**



**Nhâm Hà Hải**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31/12/2024**

---

*Tháng 3 năm 2025*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	10 - 11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	12 - 14
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15 - 16
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	17 - 57

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Vũ Thị Hương	Chủ tịch
Bà Trần Kim Khánh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên
Ông Lê Việt Hà	Thành viên
Ông Khương Đức Tiếp	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nhâm Hà Hải	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 18/01/2025
Ông Đặng Hải Chung	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	

**Ban Kiểm soát**

Bà Chu Thị Hương	Trưởng ban	
Bà Vũ Ngọc Anh	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2024
Bà Nguyễn Thị Dịu	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2024
Bà Phạm Thị Bích Ngọc	Thành viên	

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nhâm Hà Hải - Tổng Giám đốc.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nhâm Hà Hải**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025*

Số: 389/2025/UHY-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn và được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Lê Quang Nghĩa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 3660-2021-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025*

**Nguyễn Thị Thùy Trang**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 4710-2023-112-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

Mẫu số B01a-CTCK

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.544.709.772.677</b>	<b>2.152.652.361.833</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>	<b>110</b>		<b>2.535.474.017.749</b>	<b>2.144.594.179.840</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	6	104.236.513.302	288.020.444.274
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>104.236.513.302</i>	<i>288.020.444.274</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7(a) 7(d)	1.201.282.674.854	340.471.024.743
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	150.425.523.576	521.084.787.507
Các khoản cho vay	114	7(c)	1.065.893.244.020	727.397.182.812
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	8	(19.023.599.821)	(18.551.069.421)
Các khoản phải thu	117	9(a)	29.944.782.273	16.499.857.953
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>		<i>29.944.782.273</i>	<i>16.499.857.953</i>
<i>Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận</i>	<i>117.3</i>		<i>16.710.469.266</i>	<i>8.720.027.927</i>
<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>117.4</i>		<i>13.234.313.007</i>	<i>7.779.830.026</i>
Trả trước cho người bán	118	10	124.246.706	250.470.970.041
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	9(b)	5.846.349.707	19.649.408.273
Các khoản phải thu khác	122	9(c)	3.247.133.352	3.069.423.878
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(6.502.850.220)	(3.517.850.220)
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>130</b>		<b>9.235.754.928</b>	<b>8.058.181.993</b>
Tạm ứng	131		2.620.000.000	-
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		32.087.700	33.940.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	3.297.191.964	4.677.766.729
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		19.549.264	19.549.264
Tài sản ngắn hạn khác	137	13	3.266.926.000	3.326.926.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>845.333.140.570</b>	<b>146.079.772.441</b>
<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>737.621.757.365</b>	<b>46.169.859.629</b>
Các khoản đầu tư	212		737.621.757.365	46.169.859.629
<i>Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>212.1</i>	<i>7(b)</i>	<i>694.538.544.365</i>	<i>-</i>
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>212.4</i>	<i>14</i>	<i>43.083.213.000</i>	<i>46.169.859.629</i>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>76.160.382.464</b>	<b>78.897.654.612</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	15	6.211.360.522	8.738.584.506
- Nguyên giá	222		24.348.490.641	24.166.406.691
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(18.137.130.119)	(15.427.822.185)
Tài sản cố định vô hình	227	16	69.949.021.942	70.159.070.106
- Nguyên giá	228		105.307.528.045	103.179.624.245
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(35.358.506.103)	(33.020.554.139)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>31.551.000.741</b>	<b>21.012.258.200</b>
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	17	10.480.253.200	1.012.258.200
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		1.070.747.541	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	18	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.390.042.913.247</b>	<b>2.298.732.134.274</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

Mẫu số B01a-CTCK

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.954.212.130.333</b>	<b>961.540.675.747</b>
Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.954.212.130.333	947.886.682.039
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	19(a)	1.893.725.960.117	921.060.402.528
Vay ngắn hạn	312		1.893.725.960.117	921.060.402.528
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	20	1.972.190.951	4.296.844.961
Phải trả người bán ngắn hạn	320	21	1.207.092.766	1.340.205.072
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	22	347.769.388	170.329.461
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	23	31.556.503.503	7.402.163.726
Phải trả người lao động	323		3.412.549.802	3.430.693.568
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		176.600.800	177.961.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	24	15.301.527.825	5.390.479.973
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		56.944.454	336.144.516
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328	25	117.000.000	90.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	26	1.240.337.960	570.887.686
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		5.097.652.767	3.620.569.548
Nợ phải trả dài hạn	340		-	13.653.993.708
Vay và nợ thuê tài sản tài chính dài hạn	341	19(b)	-	13.480.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	173.993.708
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.435.830.782.914</b>	<b>1.337.191.458.527</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.435.830.782.914</b>	<b>1.337.191.458.527</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	27	1.011.500.000.000	1.011.500.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	27.2	1.011.500.000.000	1.011.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1.011.500.000.000	1.011.500.000.000
Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		10.677.529.998	13.764.176.627
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		13.199.809.009	13.199.809.009
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		13.199.809.009	13.199.809.009
Lợi nhuận chưa phân phối	417	27.3	387.253.634.898	285.527.663.882
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1	27.4	391.536.625.062	284.831.689.048
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(4.282.990.164)	695.974.834
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.390.042.913.247</b>	<b>2.298.732.134.274</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

Mẫu số B01a-CTCK

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	27.7	101.150.000	101.150.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	28	695.615.000.000	112.658.280.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	29	132.417.970.000	487.914.800.000
Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013	30	1.600.000	-
<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	31	19.305.700.900.000	8.678.926.950.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		14.402.301.940.000	7.530.088.890.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		1.363.330.680.000	543.055.010.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		3.492.642.080.000	528.742.080.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		2.291.960.000	1.658.460.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		45.134.240.000	75.382.510.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	32	82.572.360.000	23.246.800.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		19.073.910.000	22.955.400.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		63.498.450.000	291.400.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B01a-CTCK**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
Tiền gửi của khách hàng	026	33	234.765.718.130	405.530.103.251
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	027		234.759.051.980	405.376.534.601
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		6.666.150	153.568.650
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	34	234.759.051.980	405.376.534.601
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	031.1		233.671.113.396	404.325.522.426
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		1.087.938.584	1.051.012.175
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	35	6.666.150	153.568.650

Trần Thị Thu Phương  
Người lập biểuLê Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng  
Nhâm Hà Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024

Mẫu số B02a-CTCK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	37	105.079.956.293	106.887.971.758
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>	<i>37(a)</i>	<i>68.378.053.868</i>	<i>52.411.289.070</i>
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.2</i>	<i>37(b)</i>	<i>5.599.310.754</i>	<i>8.305.631.078</i>
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>	<i>37(c)</i>	<i>31.102.591.671</i>	<i>46.171.051.610</i>
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	37(c)	55.420.056.157	38.030.637.096
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	37(c)	122.248.696.459	74.231.049.471
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		81.835.430.588	63.225.769.549
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		9.614.210.930	5.234.316.457
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		4.581.462.248	4.543.828.385
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		231.818.182	150.000.000
Thu nhập hoạt động khác	11	37(d)	444.346.074	479.479.997
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>379.455.976.931</b>	<b>292.783.052.713</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21	37	32.727.109.819	28.436.392.587
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	<i>21.1</i>	<i>37(a)</i>	<i>20.904.092.818</i>	<i>21.640.242.217</i>
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC</i>	<i>21.2</i>	<i>37(b)</i>	<i>11.823.017.001</i>	<i>6.795.350.027</i>
<i>Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.3</i>		-	<i>800.343</i>
Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		284.272.301	2.504.491.704
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		2.580.110.241	2.837.333.397
Chi phí hoạt động tự doanh	26		10.066.738.612	496.918.827
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		46.538.790.679	31.535.238.432
Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		13.471.542.389	9.164.465.249
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		2.562.020.214	2.546.511.941
Chi phí các dịch vụ khác	32	38	917.551.673	615.699.339
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>109.148.135.928</b>	<b>78.137.051.476</b>


**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B02a-CTCK


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**

Năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong năm	42		2.270.859.522	2.178.081.281
Doanh thu khác về đầu tư	44		-	9.951.505.834
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		2.270.859.522	12.129.587.115
<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
Chi phí lãi vay	52		56.723.163.320	52.441.609.563
Cộng chi phí tài chính	60		56.723.163.320	52.441.609.563
<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	62	39	81.981.295.927	80.218.786.122
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	70		133.874.241.278	94.115.192.667
<b>THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
Thu nhập khác	71		9.092.087	89.266.620
Chi phí khác	72		2.158.479.028	239.746.544
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(2.149.386.941)	(150.479.924)
<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	90		131.724.854.337	93.964.712.743
Lợi nhuận đã thực hiện	91		137.948.560.584	92.454.431.692
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(6.223.706.247)	1.510.281.051
<b>CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	100		28.521.800.102	20.110.551.774
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	40	29.766.541.351	19.808.495.564
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		(1.244.741.249)	302.056.210
<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	200		103.203.054.235	73.854.160.969
Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	301		10.677.529.998	13.764.176.627
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	400		10.677.529.998	13.764.176.627
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	41	1.020	714

  
**Trần Thị Thu Phương**  
Người lập biểu

  
**Lê Thị Thu Hiền**  
Kế toán trưởng

  
**Nhâm Hà Hải**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B03b-CTCK**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01	131.724.854.337	93.964.712.743
2. Điều chỉnh cho các khoản	02	(5.947.356.707)	(14.510.002.482)
- Khấu hao TSCĐ	03	5.192.445.948	5.011.551.236
- Các khoản dự phòng	04	3.457.530.400	472.530.400
- Chi phí lãi vay	06	56.755.743.161	54.806.412.560
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	(57.414.152.468)	(58.300.638.725)
- Dự thu tiền lãi	08	(13.938.923.748)	(8.720.027.927)
- Các khoản điều chỉnh khác	09	-	(7.779.830.026)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	11.823.017.001	9.299.841.731
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11	11.823.017.001	6.795.350.027
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	12	-	2.504.491.704
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(5.599.310.754)	(8.305.631.078)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19	(5.599.310.754)	(8.305.631.078)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(1.330.463.943.407)	(286.741.342.743)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	(867.035.356.358)	805.686.645.396
- Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32	(323.879.280.434)	(523.213.699.476)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	(338.496.061.208)	(347.356.466.063)
- (Tăng), giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	209.727.127	12.335.728.201
- (Tăng), giảm phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37	13.803.058.566	14.615.683.037
- (Tăng), giảm các khoản phải thu khác	39	250.169.013.861	(145.221.176.507)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40	(2.558.147.700)	1.659.223.112
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	5.348.199.932	576.971.837
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	1.380.574.765	379.556.726
- Thuế TNDN đã nộp	43	(9.742.379.004)	(18.203.446.706)
- Lãi vay đã trả	44	(52.192.895.241)	(56.175.528.816)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	(383.112.306)	(1.370.395.025)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	(1.360.200)	(85.938.300)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B03b-CTCK


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		4.130.177.430	(494.073.863)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(18.143.766)	339.134.490
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(1.756.963.871)	(30.213.560.786)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		27.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(9.467.995.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>(1.198.462.739.530)</b>	<b>(206.292.421.829)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(2.205.173.800)	(1.705.245.850)
2. - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		7.509.090	-
5. - Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		57.690.915.679	51.106.007.708
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>		<b>55.493.250.969</b>	<b>49.400.761.858</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. - Tiền vay gốc	73		27.285.983.042.268	13.303.964.643.382
3.2 Tiền vay khác	73.2		27.285.983.042.268	13.303.964.643.382
4. - Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(26.326.797.484.679)	(13.034.019.240.854)
4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(26.326.797.484.679)	(13.034.019.240.854)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>		<b>959.185.557.589</b>	<b>269.945.402.528</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>90</b>		<b>(183.783.930.972)</b>	<b>113.053.742.557</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>	<b>6</b>	<b>288.020.444.274</b>	<b>174.966.701.717</b>
- Tiền	101.1		288.020.444.274	174.966.701.717
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>103</b>	<b>6</b>	<b>104.236.513.302</b>	<b>288.020.444.274</b>
- Tiền	103.1		104.236.513.302	288.020.444.274

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B03b-CTCK**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC  
CỦA KHÁCH HÀNG**

Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	24.201.815.508.647	22.473.388.002.645
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(28.298.598.282.554)	(21.520.333.730.809)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	24.330.541.908.354	6.139.821.999.659
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(20.400.987.425.544)	(7.004.162.283.226)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(3.389.191.524)	(3.002.847.239)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	1.168.676.219.971	461.638.214.815
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(1.168.823.122.471)	(461.491.312.315)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>	<b>(170.764.385.121)</b>	<b>85.858.043.530</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>	<b>405.530.103.251</b>	<b>319.672.059.721</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	405.530.103.251	319.672.059.721
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	405.376.534.601	319.665.393.571
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	153.568.650	6.666.150
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>40</b>	<b>234.765.718.130</b>	<b>405.530.103.251</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	234.765.718.130	405.530.103.251
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	234.759.051.980	405.376.534.601
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		153.568.650

Trần Thị Thu Phương  
Người lập biênLê Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

 Nhâm Hà Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2024

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2023		Năm 2023		Năm 2024		Tại 31/12/2023	
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu	1.262.468.234.984	1.337.191.458.527	76.404.277.939	(1.681.054.396)	122.588.151.918	(23.948.827.531)	1.337.191.458.527	1.435.830.782.914
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.011.500.000.000	1.011.500.000.000	-	-	-	-	1.011.500.000.000	1.011.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.011.500.000.000	1.011.500.000.000	-	-	-	-	1.011.500.000.000	1.011.500.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	13.199.809.009	13.199.809.009	-	-	-	-	13.199.809.009	13.199.809.009
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	13.199.809.009	13.199.809.009	-	-	-	-	13.199.809.009	13.199.809.009
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	11.214.059.657	13.764.176.627	2.550.116.970	-	3.877.489.171	(6.964.135.800)	13.764.176.627	10.677.529.998
5. Lợi nhuận chưa phân phối	213.354.557.309	285.527.663.882	73.854.160.969	(1.681.054.396)	118.710.662.747	(16.984.691.731)	285.527.663.882	387.253.634.898
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	213.866.807.316	284.831.689.048	72.645.936.128	(1.681.054.396)	108.182.019.233	(1.477.083.219)	284.831.689.048	391.536.625.062
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(512.250.007)	695.974.834	1.208.224.841	-	10.528.643.514	(15.507.608.512)	695.974.834	(4.282.990.164)
Cộng	1.262.468.234.984	1.337.191.458.527	76.404.277.939	(1.681.054.396)	122.588.151.918	(23.948.827.531)	1.337.191.458.527	1.435.830.782.914

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Năm 2024

Chi tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2023		Năm 2023		Năm 2024		Tại 31/12/2023	
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
II. Thu nhập toàn diện khác								
I. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.214.059.657	13.764.176.627	2.550.116.970	-	3.877.489.171	(6.964.135.800)	13.764.176.627	10.677.529.998
Cộng	11.214.059.657	13.764.176.627	2.550.116.970	-	3.877.489.171	(6.964.135.800)	13.764.176.627	10.677.529.998



Trần Thị Thu Phương  
Người lập biểu



Lê Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng



Nhâm Hà Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/09/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/09/2006, và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp gồm: Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP ngày 10/12/2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP ngày 02/11/2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 26/02/2018, Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 16/09/2021, Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 18/02/2022, Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2022.

Trụ sở của Công ty đặt tại Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.011.500.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2024 là 1.011.500.000.000 đồng; tương đương 101.150.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Huế;
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hải Phòng;
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Thái Bình;
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Bắc Ninh;
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Vũng Tàu;
- Văn phòng đại diện tại Thành phố Sơn La;
- Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1. NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.

**2.2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam "VND" và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Thực hiện kế toán Công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**3.3 HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy tính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****4.1 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.1 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (TIẾP)****Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán**

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

**4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH****a. Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), chi được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

**b. Nguyên tắc phân loại****Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL, thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào/bán ra: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua/bán trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+2 đối với chứng khoán niêm yết và T+0 đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

**Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

**Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp**

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, Công ty phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này và ghi nhận dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính.

Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán tại ngày trích lập dự phòng.

**Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.2. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ:** là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/ lỗ.

**Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:** là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

**c. Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính**

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm đánh giá lại do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" – Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

**4.3 CÁC KHOẢN NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN**

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của Pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

**4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN**

**Phải thu bán các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

**Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp:** phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN (TIẾP)**

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 08/08/2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/04/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
- Từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm	30%
- Từ 01 năm đến dưới 02 năm	50%
- Từ 02 năm đến dưới 03 năm	70%
- Từ 03 năm trở lên	100%

**4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải	10
- Thiết bị văn phòng	04 - 06
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	03 - 08
- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao	

**4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.7 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Các khoản vay:** phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán:** phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

**Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán:** phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán qua các đại lý.

**4.8 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã nhận được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**4.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

**4.11 DOANH THU, THU NHẬP**

• **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

• **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

• **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

• **Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

• **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:**

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.12 DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)****• Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

**4.13 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt được thanh toán hay chưa.

**4.14 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, CHI PHÍ TÀI CHÍNH****Doanh thu tài chính bao gồm**

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Chi phí hoạt động tài chính bao gồm**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

**4.15 CÁC KHOẢN THUẾ****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

**b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.15 CÁC KHOẢN THUẾ (TIẾP)**

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 (Năm 2023 thuế suất thuế TNDN là 20%).

**4.16 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**4.17 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4.18 THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	150.534.790	24.233.270.085.748
- Cổ phiếu	76.328	2.162.664.500
- Trái phiếu	150.358.262	23.127.354.681.439
- Giấy tờ có giá	100.200	1.103.752.739.809
Của Nhà đầu tư	2.449.957.374	56.315.105.975.691
- Cổ phiếu	2.394.775.329	50.961.179.377.590
- Trái phiếu	50.462.165	5.259.504.113.911
- Chứng chỉ quỹ	4.719.880	94.422.484.190
<b>Cộng</b>	<b>2.600.492.164</b>	<b>80.548.376.061.439</b>

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	104.236.513.302	288.020.444.274
<b>Cộng</b>	<b>104.236.513.302</b>	<b>288.020.444.274</b>

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Cổ phiếu niêm yết	22.076.112.639	16.776.712.002	21.116.414.919	15.994.114.552
- Cổ phiếu chưa niêm yết	47.061.278.765	47.059.221.564	47.068.944.716	47.061.780.163
- Trái phiếu niêm yết	-	-	5.551.460.766	5.213.165.028
- Trái phiếu chưa niêm yết	2.057.678.600	2.056.536.392	125.864.235.800	132.201.965.000
- Hợp đồng tiền gửi	1.031.845.041.096	1.031.845.041.096	140.000.000.000	140.000.000.000
- Chứng chỉ quỹ	1.011.137.659	960.000.000	-	-
- Chứng chỉ tiền gửi	102.585.163.800	102.585.163.800	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.206.636.412.559</b>	<b>1.201.282.674.854</b>	<b>339.601.056.201</b>	<b>340.471.024.743</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)****b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>150.425.523.576</b>	<b>150.425.523.576</b>	<b>521.084.787.507</b>	<b>521.084.787.507</b>
- Tiền gửi Ngân hàng TMCP An Bình	425.523.576	425.523.576	394.734.301	394.734.301
- Tiền gửi Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
- Tiền gửi Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (1)	100.000.000.000	100.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
- Tiền gửi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (2)	50.000.000.000	50.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Glexhomes	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	-	-	310.690.053.206	310.690.053.206
<b>Dài hạn</b>	<b>694.538.544.365</b>	<b>694.538.544.365</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương (3)	565.973.344.365	565.973.344.365	-	-
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (4)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
- Trái phiếu Tập đoàn VinGroup - Công ty Cổ phần (5)	28.565.200.000	28.565.200.000	-	-
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (6)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>844.964.067.941</b>	<b>844.964.067.941</b>	<b>521.084.787.507</b>	<b>521.084.787.507</b>

**Thông tin các khoản đầu tư như sau:**

(1) Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại, tổng số tiền 100.000.000.000 đồng, thời hạn 1 năm.

(2) Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tổng số tiền 50.000.000.000 đồng, thời hạn 1 năm.

Các khoản tiền gửi ngân hàng nêu trên lãi suất dao động từ 5%/năm đến 5,7%/năm



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

- (3) Công ty nắm giữ 2.427 trái phiếu DRGCH2427002; 2.890 trái phiếu DRGCH2427003 và 300 trái phiếu DRGCH2427004 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương.  
Trái phiếu DRGCH2427002 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương phát hành ngày 28/08/2024 và đáo hạn ngày 28/08/2027 (kỳ hạn 3 năm), lãi suất kỳ từ 28/08/2024 đến 31/12/2024 là 10%/năm;  
Trái phiếu DRGCH2427003 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương phát hành ngày 21/10/2024 và đáo hạn ngày 21/10/2027 (kỳ hạn 3 năm), lãi suất kỳ từ 21/10/2024 đến 31/12/2024 là 10%/năm;  
Trái phiếu DRGCH2427004 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương phát hành ngày 27/11/2024 và đáo hạn ngày 27/11/2027 (kỳ hạn 3 năm), lãi suất kỳ từ 27/11/2024 đến 31/12/2024 là 10%/năm.
- (4) Công ty nắm giữ 50 trái phiếu BIDLH2431001 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo, thời hạn 7 năm kể từ ngày 10/05/2024, lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 1,1%/năm.
- (5) Công ty nắm giữ 285.652 trái phiếu VICH2325005 của Tập đoàn VinGroup - Công ty Cổ phần. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo, thời hạn 24 tháng kể từ ngày 13/03/2024, lãi suất 14,5% trong 2 kỳ đầu tiên và được tính bằng Lãi suất tham chiếu + 4%/năm.
- (6) Công ty nắm giữ 500 trái phiếu CTGL2331012 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo, thời hạn 8 năm kể từ ngày 29/12/2023, lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm.

**c) Các khoản cho vay (\*)**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Hoạt động margin	1.008.034.982.313	652.677.910.069
Hoạt động ứng trước tiền bán	57.858.261.707	74.719.272.743
<b>Cộng</b>	<b>1.065.893.244.020</b>	<b>727.397.182.812</b>

(\*) Xem chi tiết Thuyết minh thông tin bổ sung tại Thuyết minh số 36.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHỖ (T. 1)

CÁC LOẠI TÀI SẢN TẠI CHÍNH (TIẾP)

d) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

[illegible]

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**d) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (tiếp)**

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	-	-	-	-	50.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	326.845.041.096	-	326.845.041.096	-	-	-	-	-	326.845.041.096	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Hà Nội	65.000.000.000	50.000.000.000	65.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	65.000.000.000	50.000.000.000
- Chứng chỉ tiền gửi	102.585.163.800	-	102.585.163.800	-	-	-	-	-	102.585.163.800	-
- Ngân hàng TMCP Đồng Nam Á	102.585.163.800	-	102.585.163.800	-	-	-	-	-	102.585.163.800	-
- Chứng chỉ quỹ	1.011.137.659	-	960.000.000	-	-	-	(51.137.659)	-	960.000.000	-
- CTCP Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán An Bình	1.011.137.659	-	960.000.000	-	-	-	(51.137.659)	-	960.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.206.636.412.559</b>	<b>339.601.056.201</b>	<b>1.201.282.674.854</b>	<b>340.471.024.743</b>	<b>61.305.012</b>	<b>6.345.750.077</b>	<b>(5.415.042.717)</b>	<b>(5.475.781.535)</b>	<b>1.201.282.674.854</b>	<b>340.471.024.743</b>

**Thông tin chi tiết về trái phiếu**

Tổ chức phát hành	Mã trái phiếu	Số lượng TP	Mệnh giá VND	Kỳ hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất
Trái phiếu chưa niêm yết						
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	DRGCH2126001	18.970	100.000	60 tháng từ ngày 29/09/2021	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền có đảm bảo bằng tài	Lãi suất 9%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, điều chỉnh cộng biên độ cho các kỳ tính lãi tiếp theo
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	VANHUONG.BOND.2019.02.07	1	100.000.000	07 năm từ ngày 30/06/2020	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền có đảm bảo bằng tài	Lãi suất 10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, điều chỉnh cộng biên độ cho các kỳ tính lãi tiếp theo



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(19.023.599.821)	(18.551.069.421)
<b>Cộng</b>	<b>(19.023.599.821)</b>	<b>(18.551.069.421)</b>

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	29.944.782.273	16.499.857.953
b) Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	5.846.349.707	19.649.408.273
- Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.390.322.667	1.390.282.667
- Phải thu hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.735.005.326	15.600.152.000
- Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	2.549.070.514	2.490.131.388
- Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	52.500.000	52.500.000
- Phải thu các dịch vụ khác	119.451.200	116.342.218
c) Phải thu khác	3.247.133.352	3.069.423.878
- Phải thu khác	3.247.133.352	3.069.423.878
<b>Cộng</b>	<b>39.038.265.332</b>	<b>39.218.690.104</b>

**10. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Tài chính Công nghệ DTND	-	250.000.000
- Khách lẻ nhận tiền đặt cọc Trái phiếu	-	250.189.710.041
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	124.246.706	31.260.000
<b>Cộng</b>	<b>124.246.706</b>	<b>250.470.970.041</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-C/CK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Giá trị phải thu khó đòi	Năm 2024				Năm trước	
		01/01/2024	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	31/12/2024	31/12/2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.967.850.220	(3.517.850.220)	(2.985.000.000)	-	(6.502.850.220)	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)
- Bà Nguyễn Hoài Anh	1.390.282.667	(1.390.282.667)	-	-	(1.390.282.667)	(1.390.282.667)	(1.390.282.667)
- Bà Mai Mỹ Trang	1.186.912.000	(1.186.912.000)	-	-	(1.186.912.000)	(1.186.912.000)	(1.186.912.000)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ khách sạn Soleil	2.500.000.000	-	(1.750.000.000)	-	(1.750.000.000)	-	-
- Công ty Cổ phần Sunshine Cab	1.350.000.000	-	(855.000.000)	-	(855.000.000)	-	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Sunshine	600.000.000	-	(380.000.000)	-	(380.000.000)	-	-
- Khách hàng khác	940.655.553	(940.655.553)	-	-	(940.655.553)	(940.655.553)	(940.655.553)
<b>Cộng</b>	<b>7.967.850.220</b>	<b>(3.517.850.220)</b>	<b>(2.985.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>(6.502.850.220)</b>	<b>(3.517.850.220)</b>	<b>(3.517.850.220)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí trả trước về thuê văn phòng, thuê kho	1.097.004.000	1.107.431.220
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	233.471.711	929.030.796
- Chi phí trả trước về thi công nội thất văn phòng	358.782.868	1.413.790.591
- Chi phí trả trước về cước đường truyền, cước điện thoại,...	213.822.058	1.071.497.580
- Chi phí bảo trì phần mềm	300.354.164	-
- Chi phí mua phần mềm	577.231.671	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	516.525.492	156.016.542
<b>Cộng</b>	<b>3.297.191.964</b>	<b>4.677.766.729</b>

**13. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Phải thu khách hàng khác	766.926.000	826.926.000
- Phải thu khác	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.266.926.000</b>	<b>3.326.926.000</b>

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư dài hạn khác	32.405.683.002	43.083.213.000	32.405.683.002	46.169.859.629
Cổ phiếu niêm yết	32.405.683.002	43.083.213.000	32.405.683.002	46.169.859.629
Ngân hàng TMCP An Bình (1)				
<b>Cộng</b>	<b>32.405.683.002</b>	<b>43.083.213.000</b>	<b>32.405.683.002</b>	<b>46.169.859.629</b>

Thông tin các khoản đầu tư như sau:

- (1) Tại ngày 31/12/2024, Công ty đang nắm giữ 5.901.810 Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP An Bình có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Chênh lệch đầu kỳ, cuối kỳ do đánh giá lại khoản đầu tư AFS này theo giá trị thị trường được ghi nhận vào Chi tiêu "Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	220.000.001	21.495.937.690	2.413.680.000	36.789.000	24.166.406.691
Mua trong năm	-	327.270.000	-	-	327.270.000
Thanh lý	-	(145.186.050)	-	-	(145.186.050)
31/12/2024	220.000.001	21.678.021.640	2.413.680.000	36.789.000	24.348.490.641
HAO MÒN LUY KẾ					
01/01/2024	(220.000.001)	(13.874.582.795)	(1.318.677.067)	(14.562.322)	(15.427.822.185)
Khấu hao trong năm	-	(2.603.928.728)	(241.368.000)	(9.197.256)	(2.854.493.984)
Thanh lý	-	145.186.050	-	-	145.186.050
31/12/2024	(220.000.001)	(16.333.325.473)	(1.560.045.067)	(23.759.578)	(18.137.130.119)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	-	7.621.354.895	1.095.002.933	22.226.678	8.738.584.506
31/12/2024	-	5.344.696.167	853.634.933	13.029.422	6.211.360.522

Tại ngày 31/12/2024, Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền là: 9.797.213.311 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2024	61.500.000.000	41.679.624.245	103.179.624.245
Mua trong năm	-	2.127.903.800	2.127.903.800
31/12/2024	61.500.000.000	43.807.528.045	105.307.528.045
<b>HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
01/01/2024	-	(33.020.554.139)	(33.020.554.139)
Khấu hao trong năm	-	(2.337.951.964)	(2.337.951.964)
31/12/2024	-	(35.358.506.103)	(35.358.506.103)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2024	61.500.000.000	8.659.070.106	70.159.070.106
31/12/2024	61.500.000.000	8.449.021.942	69.949.021.942

Tại ngày 31/12/2024, Tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền là: 25.536.960.832 đồng.

**17. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Dài hạn</b>	<b>10.480.253.200</b>	<b>1.012.258.200</b>
- Đặt cọc thuê văn phòng	10.417.100.000	973.105.000
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược khác	63.153.200	39.153.200
<b>Cộng</b>	<b>10.480.253.200</b>	<b>1.012.258.200</b>

**18. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	11.783.064.342	11.783.064.342
- Tiền lãi phân bổ trong kỳ	8.096.935.658	8.096.935.658
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2024 VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	31/12/2024 VND
a) Vay ngắn hạn	921.060.402.528	27.282.483.042.268	26.309.817.484.679	1.893.725.960.117
Vay ngân hàng (1)	719.400.000.000	5.852.400.000.000	4.832.800.000.000	1.739.000.000.000
Vay cá nhân (2)	201.660.402.528	21.430.083.042.268	21.477.017.484.679	154.725.960.117
b) Vay dài hạn	13.480.000.000	3.500.000.000	16.980.000.000	-
Công ty TNHH Meta Property Management	13.480.000.000	3.500.000.000	16.980.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>934.540.402.528</b>	<b>27.285.983.042.268</b>	<b>26.326.797.484.679</b>	<b>1.893.725.960.117</b>

**Thông tin bổ sung của các khoản vay ngân hàng:**

- (1) Các khoản vay Ngân hàng có lãi suất từ 3,4% đến 7,5% và có tài sản đảm bảo là các trái phiếu thuộc sở hữu của Công ty hoặc các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn hoặc không có tài sản đảm bảo.
- (2) Khoản vay các đối tượng khác là số tiền khách hàng đồng ý cho Công ty vay, mức lãi suất do Công ty công bố áp dụng từng thời kỳ làm căn cứ để trả lãi cho Khách hàng.

**20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả về tiền mua CP phát hành thêm	685.288.000	2.566.288.000
Phải trả hoa hồng cộng tác viên	1.103.724.641	1.551.918.651
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	183.178.310	178.638.310
<b>Cộng</b>	<b>1.972.190.951</b>	<b>4.296.844.961</b>

**21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ông Nguyễn Sơn	392.496.075	392.496.075
Công ty Cổ Phần xây dựng và thương mại Tất Đạt	645.271.154	645.271.154
Các đối tượng khác	169.325.537	302.437.843
<b>Cộng</b>	<b>1.207.092.766</b>	<b>1.340.205.072</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ứng trước hợp đồng tư vấn	125.000.000	140.060.000
Ứng trước hoạt động môi giới chứng khoán	222.769.388	30.269.461
<b>Cộng</b>	<b>347.769.388</b>	<b>170.329.461</b>

**23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	47.622.236	3.308.213
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	24.842.126.529	4.817.964.182
Thuế Thu nhập cá nhân	6.666.754.738	2.580.891.331
<b>Cộng</b>	<b>31.556.503.503</b>	<b>7.402.163.726</b>

**24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	6.191.439.947	1.628.592.027
Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính	3.455.856.546	2.632.642.635
Chi phí tư vấn tài chính	-	190.454.000
Chi phí hoạt động Công ty chứng khoán	5.654.231.332	938.791.311
<b>Cộng</b>	<b>15.301.527.825</b>	<b>5.390.479.973</b>

**25. NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGÁN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nhận đặt cọc dịch vụ chứng khoán	117.000.000	90.000.000
<b>Cộng</b>	<b>117.000.000</b>	<b>90.000.000</b>

**26. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÁN HẠN KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.240.337.960	570.887.686
<b>Cộng</b>	<b>1.240.337.960</b>	<b>570.887.686</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**27.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (**)	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (**)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2023</b>	<b>1.011.500.000.000</b>	<b>11.214.059.657</b>	<b>13.199.809.009</b>	<b>13.199.809.009</b>	<b>213.354.557.309</b>	<b>1.262.468.234.984</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	-	73.854.160.969	73.854.160.969
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(1.681.054.396)	(1.681.054.396)
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022</i>	-	-	-	-	(1.681.054.396)	(1.681.054.396)
- Tăng chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	2.550.116.970	-	-	-	2.550.116.970
<b>31/12/2023</b>	<b>1.011.500.000.000</b>	<b>13.764.176.627</b>	<b>13.199.809.009</b>	<b>13.199.809.009</b>	<b>285.527.663.882</b>	<b>1.337.191.458.527</b>
<b>01/01/2024</b>	<b>1.011.500.000.000</b>	<b>13.764.176.627</b>	<b>13.199.809.009</b>	<b>13.199.809.009</b>	<b>285.527.663.882</b>	<b>1.337.191.458.527</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	-	103.203.054.235	103.203.054.235
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(1.477.083.219)	(1.477.083.219)
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 (*)</i>	-	-	-	-	(1.477.083.219)	(1.477.083.219)
- Giảm chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	(3.086.646.629)	-	-	-	(3.086.646.629)
<b>31/12/2024</b>	<b>1.011.500.000.000</b>	<b>10.677.529.998</b>	<b>13.199.809.009</b>	<b>13.199.809.009</b>	<b>387.253.634.898</b>	<b>1.435.830.782.914</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHĐCĐ2024 ngày 19/04/2024.

(\*\*) Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa thực hiện xử lý 2 quỹ gồm Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ có số dư lần lượt là 13.199.809.009 đồng và 13.199.809.009 đồng theo Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17/12/2021 của Bộ tài chính về việc bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
**Mẫu số B09a-CTCK**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**27.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Cổ đông	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
- Tập đoàn Geleximco - CTCP	463.795.170.000	45,85%	463.795.170.000	45,85%
- Ông Chu Văn Mân	40.500.000.000	4,00%	50.541.800.000	5,00%
- Ông Nguyễn Văn Anh	67.649.180.000	6,69%	67.649.180.000	6,69%
- Ông Vũ Đức Chính	108.550.710.000	10,73%	108.550.710.000	10,73%
- Bà Vũ Thị Minh Trang	75.388.500.000	7,45%	75.388.500.000	7,45%
- Vốn góp của cổ đông khác (dưới 5%)	255.616.440.000	25,27%	245.574.640.000	24,28%
<b>Cộng</b>	<b>1.011.500.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.011.500.000.000</b>	<b>100%</b>

**27.3 LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện	391.536.625.062	284.831.689.048
Lợi nhuận chưa thực hiện	(4.282.990.164)	695.974.834
<b>Cộng</b>	<b>387.253.634.898</b>	<b>285.527.663.882</b>

**27.4 TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐÔNG HOẶC CÁC THÀNH VIÊN GÓP VỐN**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	284.831.689.048	213.866.807.316
Lỗ/Lãi chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(4.282.990.164)	695.974.834
Lỗ/lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	108.182.019.233	72.645.936.128
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp tính đến cuối năm tài chính	393.013.708.281	286.512.743.444
Số lợi nhuận phân phối	(1.477.083.219)	(1.681.054.396)
+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.477.083.219)	(1.681.054.396)
<b>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm</b>	<b>391.536.625.062</b>	<b>284.831.689.048</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**27.5 TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐỒNG HOẶC CÁC THÀNH VIÊN GÓP VỐN**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHĐCĐ2024 ngày 19/04/2024 về việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	100%	73.854.160.969
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	2%	1.477.083.219
Lợi nhuận chưa phân phối	98%	72.377.077.750

**27.6 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.011.500.000.000	1.011.500.000.000
+ Vốn góp đầu năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	1.011.500.000.000	1.011.500.000.000
+ Vốn góp cuối năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

**27.7 CỔ PHIẾU**

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	101.150.000	101.150.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	101.150.000	101.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	101.150.000	101.150.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	101.150.000	101.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	101.150.000	101.150.000
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	645.538.000.000	110.214.880.000
- Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	50.000.000.000	-
- Tài sản tài chính chờ thanh toán	77.000.000	2.443.400.000
<b>Cộng</b>	<b>695.615.000.000</b>	<b>112.658.280.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	132.417.970.000	487.914.800.000
<b>Cộng</b>	<b>132.417.970.000</b>	<b>487.914.800.000</b>

**30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty	1.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.600.000</b>	<b>-</b>

**31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	14.402.301.940.000	7.530.088.890.000
- Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.363.330.680.000	543.055.010.000
- Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	3.492.642.080.000	528.742.080.000
- Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	2.291.960.000	1.658.460.000
- Tài sản tài chính chờ thanh toán	45.134.240.000	75.382.510.000
<b>Cộng</b>	<b>19.305.700.900.000</b>	<b>8.678.926.950.000</b>

**32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	19.073.910.000	22.955.400.000
- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	63.498.450.000	291.400.000
<b>Cộng</b>	<b>82.572.360.000</b>	<b>23.246.800.000</b>

**33. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	234.759.051.980	405.376.534.601
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	233.671.113.396	404.325.522.426
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	1.087.938.584	1.051.012.175
Tiền gửi của tổ chức phát hành	6.666.150	153.568.650
- Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	6.666.150	153.568.650
<b>Cộng</b>	<b>234.765.718.130</b>	<b>405.530.103.251</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**34. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	234.759.051.980	405.376.534.601
- Nhà đầu tư trong nước	233.671.113.396	404.325.522.426
- Nhà đầu tư nước ngoài	1.087.938.584	1.051.012.175
<b>Cộng</b>	<b>234.759.051.980</b>	<b>405.376.534.601</b>

**35. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	6.666.150	153.568.650
<b>Cộng</b>	<b>6.666.150</b>	<b>153.568.650</b>

**36. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả nghiệp vụ margin	1.008.034.982.313	652.677.910.069
- Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước	1.008.034.982.313	652.677.910.069
Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	57.858.261.707	74.719.272.743
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	57.858.261.707	74.719.272.743
Phải trả Nhà đầu tư trong nước	57.858.261.707	74.719.272.743
<b>Cộng</b>	<b>1.065.893.244.020</b>	<b>727.397.182.812</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**37. THU NHẬP**  
a. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán VND	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
- Cổ phiếu niêm yết	800	16.899.900	15.522.280	6.167.708	4.790.088	-	3.590.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	10.268	85.714.600	91.665.951	257.419	6.208.770	-	-
- Trái phiếu	75.349.379	11.220.012.470.301	11.172.690.373.870	68.215.190.391	20.893.093.960	48.680.597.444	21.616.500.817
- Tài sản tài chính khác	50	500.156.438.350	500.000.000.000	156.438.350	-	3.730.691.626	20.151.400
<b>Cộng</b>	<b>75.360.497</b>	<b>11.720.271.523.151</b>	<b>11.672.797.562.101</b>	<b>68.378.053.868</b>	<b>20.904.092.818</b>	<b>52.411.289.070</b>	<b>21.640.242.217</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. THU NHẬP (TIẾP)

b. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

FVTPL	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị thị trường/ Giá hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2024		Chênh lệch đánh giá lại tại 01/01/2024		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
			Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND
Cổ phiếu niêm yết	22.076.112.639	16.776.712.002	59.969.000	(5.359.369.637)	7.223.458	(5.129.523.825)	990.363.188	(1.167.463.458)
- SHN	21.100.892.639	15.744.108.002	-	(5.356.784.637)	-	(5.125.253.637)	926.124.000	(1.157.655.000)
- Cổ phiếu lẻ	975.220.000	1.032.604.000	59.969.000	(2.585.000)	7.223.458	(4.270.188)	64.239.188	(9.808.458)
Cổ phiếu chưa niêm yết	47.061.278.765	47.059.221.564	-	(2.057.201)	797.419	(7.961.972)	5.994.671	(887.319)
- CTCP Giấy An Hòa	41.842.300.000	41.842.300.000	-	-	-	-	-	-
- CTCP Bất Động Sản Exim	3.230.000.000	3.230.000.000	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đại	957.605.000	957.605.000	-	-	-	-	-	-
Chung Việt Nam								
- Khác	1.031.373.765	1.029.316.564	-	(2.057.201)	797.419	(7.961.972)	5.994.671	(887.319)
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	(338.295.738)	545.207.686	(206.911.948)
- Trái phiếu Công ty Cổ	-	-	-	-	-	(338.295.738)	545.207.686	(206.911.948)
phần Glexhomes								
Trái phiếu chưa niêm yết	2.057.678.600	2.056.536.392	1.336.012	(2.478.220)	6.337.729.200	-	4.057.745.209	(10.396.616.617)
- Công ty CP Đầu tư và Du	2.057.678.600	2.056.536.392	1.336.012	(2.478.220)	6.337.729.200	-	4.057.745.209	(10.396.616.617)
lịch Vạn Hương								
Hợp đồng tiền gửi	1.031.845.041.096	1.031.845.041.096	-	-	-	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	102.585.163.800	102.585.163.800	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đông	102.585.163.800	102.585.163.800	-	-	-	-	-	-
Nam A								
Chứng chỉ quỹ	1.011.137.659	960.000.000	-	(51.137.659)	-	-	-	(51.137.659)
- CTCP Quản lý Quỹ đầu	1.011.137.659	960.000.000	-	(51.137.659)	-	-	-	(51.137.659)
tư chứng khoán An Bình								
<b>Cộng</b>	<b>1.206.636.412.559</b>	<b>1.201.282.674.854</b>	<b>61.305.012</b>	<b>(5.415.042.717)</b>	<b>6.345.750.077</b>	<b>(5.475.781.535)</b>	<b>5.599.310.754</b>	<b>(11.823.017.001)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**37. THU NHẬP (TIẾP)**

c. **Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	31.102.591.671	46.171.051.610
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	55.420.056.157	38.030.637.096
Từ các khoản cho vay	122.248.696.459	74.231.049.471
<b>Cộng</b>	<b>208.771.344.287</b>	<b>158.432.738.177</b>

d. **Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập hoạt động khác	444.346.074	479.479.997
- Doanh thu cho thuê tài sản	98.181.818	98.181.818
- Doanh thu khác	346.164.256	381.298.179
<b>Cộng</b>	<b>444.346.074</b>	<b>479.479.997</b>

**38. CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	917.551.673	615.699.339
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	220.000	608.206.891
- Chi phí trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức cho Tổ chức phát hành	7.331.673	7.492.448
- Chi dự phòng và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	910.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>917.551.673</b>	<b>615.699.339</b>

**39. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	58.721.312.873	57.126.702.496
Chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng	1.399.499.958	2.037.782.142
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.192.445.948	5.011.551.236
Chi phí thuế, phí và lệ phí	18.882.053	23.313.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.649.155.095	16.019.436.939
<b>Cộng</b>	<b>81.981.295.927</b>	<b>80.218.786.122</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**40. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	131.724.854.337	93.964.712.743
Các khoản điều chỉnh tăng	23.086.265.462	12.395.128.025
Chi phí không hợp lệ	11.263.248.461	5.599.777.998
Lỗi do đánh giá lại các tài sản tài chính	11.823.017.001	6.795.350.027
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.600.487.154)	(8.306.068.778)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.176.400)	(437.700)
Lỗi do đánh giá lại các tài sản tài chính	(5.599.310.754)	(8.305.631.078)
Tổng thu nhập chịu thuế	149.210.632.645	98.053.771.990
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	29.842.126.529	19.610.754.398
Thuế TNDN năm 2022 giảm sau quyết toán	(75.585.178)	197.741.166
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.766.541.351	19.808.495.564

**41. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	103.203.054.235	73.854.160.969
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(1.681.054.396)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	101.150.000	101.150.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.020	714

(\*) Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính năm 2024, Công ty chưa có số liệu chính xác về việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 nên chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định trên cơ sở chưa loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.236.513.302	-	288.020.444.274	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	1.201.282.674.854	-	340.471.024.743	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	844.964.067.941	-	521.084.787.507	-
Các khoản cho vay	1.065.893.244.020	(19.023.599.821)	727.397.182.812	(18.551.069.421)
Các khoản phải thu	39.038.265.332	(6.502.850.220)	39.218.690.104	(3.517.850.220)
Đầu tư dài hạn	43.083.213.000	-	46.169.859.629	-
<b>Cộng</b>	<b>3.298.497.978.449</b>	<b>(25.526.450.041)</b>	<b>1.962.361.989.069</b>	<b>(22.068.919.641)</b>
			<b>31/12/2024 VND</b>	<b>01/01/2024 VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			1.893.725.960.117	934.540.402.528
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			4.419.621.677	6.207.937.719
Chi phí phải trả			15.301.527.825	5.390.479.973
<b>Cộng</b>			<b>1.913.447.109.619</b>	<b>946.138.820.220</b>
<b>Trạng thái ròng</b>			<b>1.385.050.868.830</b>	<b>1.016.223.168.849</b>

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**43. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Rủi ro về giá**

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư, bán chứng khoán tự doanh. Tại mỗi kỳ lập báo cáo, Công ty đánh giá rủi ro căn cứ vào tình hình thị trường: giá cổ phiếu, mức độ nắm giữ, trạng thái nắm giữ. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản cho vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**  
Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**43. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	104.236.513.302	-	-	104.236.513.302
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.425.523.576	594.538.544.365	100.000.000.000	844.964.067.941
- Các khoản cho vay	1.046.869.644.199	-	-	1.046.869.644.199
- Các khoản phải thu	32.535.415.112	-	-	32.535.415.112
<b>Cộng</b>	<b>1.334.067.096.189</b>	<b>594.538.544.365</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>2.028.605.640.554</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	288.020.444.274	-	-	288.020.444.274
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	521.084.787.507	-	-	521.084.787.507
- Các khoản cho vay	708.846.113.391	-	-	708.846.113.391
- Các khoản phải thu	35.700.839.884	-	-	35.700.839.884
<b>Cộng</b>	<b>1.553.652.185.056</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.553.652.185.056</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**43. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
- Vay và nợ	1.893.725.960.117	-	-	1.893.725.960.117
- Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	4.419.621.677	-	-	4.419.621.677
- Chi phí phải trả	15.301.527.825	-	-	15.301.527.825
<b>Cộng</b>	<b>1.913.447.109.619</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.913.447.109.619</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
- Vay và nợ	921.060.402.528	13.480.000.000	-	934.540.402.528
- Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	6.207.937.719	-	-	6.207.937.719
- Chi phí phải trả	5.390.479.973	-	-	5.390.479.973
<b>Cộng</b>	<b>932.658.820.220</b>	<b>13.480.000.000</b>	<b>-</b>	<b>946.138.820.220</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**44. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**45. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Năm nay

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành CK	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	86.416.892.836	160.500.012.450	9.614.210.930	122.924.860.715	379.455.976.931
Chi phí hoạt động	49.100.810.893	46.991.139.652	9.274.251.168	3.781.934.215	109.148.135.928
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	2.270.859.522
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	138.704.459.247
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>37.316.081.943</b>	<b>113.508.872.798</b>	<b>339.959.762</b>	<b>119.142.926.500</b>	<b>133.874.241.278</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	4.111.344.381	2.089.329.955.795	1.735.005.326	1.046.869.644.199	3.142.045.949.701
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	247.996.963.546
<b>Tổng tài sản</b>	<b>4.111.344.381</b>	<b>2.089.329.955.795</b>	<b>1.735.005.326</b>	<b>1.046.869.644.199</b>	<b>3.390.042.913.247</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.972.190.951	-	-	1.893.725.960.117	1.895.698.151.068
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	58.513.979.265
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.972.190.951</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.893.725.960.117</b>	<b>1.954.212.130.333</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**45. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm trước

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành CK	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	67.769.597.934	144.918.608.854	5.234.316.457	74.860.529.468	292.783.052.713
Chi phí hoạt động	34.146.820.373	35.159.590.698	2.873.115.965	5.957.524.440	78.137.051.476
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	12.129.587.115
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	132.660.395.685
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>33.622.777.561</b>	<b>109.759.018.156</b>	<b>2.361.200.492</b>	<b>68.903.005.028</b>	<b>94.115.192.667</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	3.880.414.055	907.725.671.879	15.600.152.000	708.846.113.391	1.636.052.351.325
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	662.679.782.949
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.880.414.055</b>	<b>907.725.671.879</b>	<b>15.600.152.000</b>	<b>708.846.113.391</b>	<b>2.298.732.134.274</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	4.296.844.961	-	-	934.540.402.528	938.837.247.489
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	22.703.428.258
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>4.296.844.961</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>934.540.402.528</b>	<b>961.540.675.747</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**46. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Doanh thu</b>			
Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	(*)	1.086.898.159	605.373.599
<b>Mua hàng</b>			
Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	(*)	5.005.616.028	4.982.251.776

Sổ dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ký quỹ ký cược</b>			
Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	(*)	10.303.300.000	859.305.000
<b>Phải thu dịch vụ Công ty CK cung cấp</b>			
Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	(*)	130.616.309	14.326.280.620

(\*) Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị của các đơn vị này. Quan hệ với các bên liên quan không nhất thiết thuộc quan hệ giữa các bên liên kết theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

**Thù lao, thu nhập của Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:**

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>Chức vụ</b>		
Vũ Thị Hương	Chủ tịch HĐQT	4.786.779.341	3.120.000.000
Trần Kim Khánh	Thành viên HĐQT	2.353.019.439	1.300.000.000
Nguyễn Thị Nga	Thành viên HĐQT	755.862.697	455.000.000
Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT	567.823.511	455.000.000
Khuong Đức Tiếp	Thành viên HĐQT	555.036.847	455.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>1.036.757.330</b>	<b>825.000.000</b>
Chu Thị Hương	Trưởng ban	490.574.102	390.000.000
Nguyễn Thị Dịu	Thành viên	72.727.273	240.000.000
Phạm Thị Bích Ngọc	Thành viên	246.576.462	195.000.000
Vũ Ngọc Anh	Thành viên	226.879.493	-
<b>Ban Tổng Giám Đốc</b>		<b>1.016.192.000</b>	<b>663.000.000</b>
Nhâm Hà Hải	Tổng Giám Đốc	534.200.000	299.000.000
Dặng Hải Chung	Phó Tổng Giám đốc	312.792.000	234.000.000
Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	169.200.000	130.000.000
<b>Cộng</b>		<b>6.839.728.671</b>	<b>4.608.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,  
P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2024  
Mẫu số B09a-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**47. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.



Trần Thị Thu Phương  
Người lập biểu



Lê Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng



Nhâm Hà Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025



TRỌN VỆN TRẢI NGHIỆM ĐẦU TƯ

